

# THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

## QUYỂN 7 (PHẦN CUỐI)

**Luận:** “Đã phân biệt rộng”, đến “hai phần sở y”.

Thuật rằng: Từ đây xuống một bài tụng chánh giải thích thức biến, trong đó phần đầu tổng kết trước hỏi sau, kế đó nêu tụng để đáp. Bài tụng trong quyển 1 ghi: “Năng biến này có ba, là Dị thực tư lương, và thức liễu biệt cảnh”, đây là nêu sơ lược tự thể của ba chủng năng biến và hai phần kiến và tướng. Kiến phần và Tướng phần là sở biến của tự thể phần, là dụng của tự thể phần. Nói tự thể là sở y của hai phần. Tụng của Biệt Thành quyển 1 ghi: “Năng biến này có ba”. Trở xuống ba câu tụng đã xong. Ở đây một bài tụng này nói rộng nó nương thức sở biến. Hiện tại tổng kết trước, hỏi sau, để phát khởi trong lời mở đầu của Luận. Đây là tổng kết trước.

**Luận:** “Tại sao phải biết”, đến “chỉ có thức hay sao?”

Thuật rằng: Đây là hỏi sau. Từ đây xuống bài tụng đầu của quyển 1, hai câu trên: “Do giả nói ngã pháp, có vô số tướng chuyển”, Luận kia nói nương vào pháp gì để chuyển biến? Là nương vào sở biến của thức bên trong, năng biến này chỉ có ba.

Từ trên đến đây giải thích riêng ba năng biến đã xong. Bây giờ giải thích nghĩa nương vào sở biến để lập giả ngã và pháp. Tại sao nương vào thức để giả lập ngã pháp mà không riêng thật có? Do nương vào thức biến tất cả các pháp mà chỉ có thức hay sao? Tức là thuyết minh lý của tất cả thức biến, cho nên chỉ có thức để đặt câu hỏi này, là đoạn văn bài tụng đầu phát sinh câu hỏi này để mở mối.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “cho nên tất cả chỉ có thức”.

Thuật rằng: Phần đầu nửa bài tụng giải thích Duy thức, nửa phần sau tổng kết Duy thức. Trong văn Trường hàng tự giải thích, nên không phiên đưa ra.

**Luận:** “Luận nói rằng”, đến “lập tên chuyển biến”.

Thuật rằng: Trường hàng có hai đoạn: đoạn đầu chánh giải thích

vấn tụng, đoạn sau vấn đáp rộng phân rõ. Trong phần giải thích vấn tụng, phần đầu có hai chữ “lại nữa”, phần sau tổng kết là các thức. Giải thích ba chữ trên câu đầu của bài tụng, tức là ba năng biến thức của bản thức và pháp tâm sở, nói vua và bầy tôi là nêu ra đầu và cuối. An Tuệ giải thích: “Thế nào gọi là chuyển biến? Là tự thể của ba thức đều chuyển biến tương tự hai phần kiến và tướng”. Tự thể phần của thức gọi là chuyển biến. Chuyển biến nghĩa là Biến hiện, tức là thức tự thể hiện tương tự hai tướng, thật ra không phải hai tướng, thật tế hai tướng tức là sở chấp, tức là Biến kế sở chấp tợ Y tha mà có, lý thật ra là không có. Hoặc chuyển biến có nghĩa là Biến dị, là thể của một thức biến dị thành kiến và tướng hai phần dụng khởi. Bồ-tát Hộ Pháp giải thích: “Lại nữa, chuyển biến có nghĩa là chuyển đổi, là thể của một thức cải chuyển thành hai tướng khởi khác nhau đối với tự thể, tức là kiến có năng thủ dụng, và tướng có chất ngại dụng. Do tự thể của thức chuyển khởi năng thủ và có ngại. Hoặc biến có nghĩa là hiện, như quyển đầu giải thích. Hiện tại là nắm lấy tự thể năng chuyển biến. Đây là giải thích câu thứ nhất của bài tụng đã xong.

**Luận:** “Sở biến Kiến phần”, đến “kiến sở thủ”.

Thuật rằng: Hộ Pháp nói: “Trong sở biến trước lấy Kiến phần sở biến gọi là phân biệt, là tánh Y tha, vì năng thủ đối với sở biến Y tha Tướng phần khởi các thứ Biến kế sở chấp phân biệt, đây là thể sở biến dụng năng phân biệt của thức cho nên gọi là phân biệt, thể sở biến Y tha Tướng phần của thức đó tương tợ chỗ chấp Tướng phần gọi là sở phân biệt, là tướng sở thủ của năng phân biệt Kiến phần trước, không phải tự thể năng duyên của thức gọi là phân biệt. Khởi phân biệt kiến là dụng của thức, Tướng phần và Kiến phần đều nương tự thể mà khởi”. An Tuệ nói: “Kiến phần và Tướng phần sở biến đều là kế chấp sở chấp. Kiến tợ tướng năng thủ, tướng tợ kiến sở thủ, thật ra không có hai phần”. Giải thích câu thứ hai đã xong.

**Luận:** “Do chánh lý này”, đến “lìa hai tướng”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết đạo lý của hai câu trước để giải thích hai câu sau của tụng. Hộ Pháp nói: “Cho nên chỗ kế chấp kia ngoài tâm có thật ngã pháp, là lìa hai phần sở biến và Y tha của thức thì đều quyết định không phải có”. Không phải cho rằng thức biến là thật ngã pháp hoặc tợ ngã pháp, ngoài ra ngã pháp lìa thức thì đều không có, vì lìa ngoài thể sở biến năng thủ Kiến phần và sở thủ Tướng phần của thức thì không có vật nào riêng khác, tất cả sở biến của hữu tình đều như thế. Nương vào hai phân biệt này mà thi thiết ngã pháp, hai pháp đó lìa hai

thức này thì không có sở y.

Hỏi: Có riêng thật vật lìa năng biến và sở biến, lý do gì mà không thừa nhận?

Đáp: Không phải là có một vật có thật tác dụng, vì lìa năng phân biệt và sở phân biệt trước; không phải ngoài ngã pháp mà quyết chắc có thức. An Tuệ nói: “Thật ngã pháp đó lìa hai phần của thức sở biến thì đều không có. Lìa kế chấp hai thủ của sở chấp thì không có”, tức là nương vào tổng vô mà lập biệt vô. Sở biến của thức đều kế chấp sở chấp, không phải thật vật lìa hai tướng mà có, cho nên đều là Duy thức. Giải thích câu thứ ba đã xong.

**Luận:** “Do đó tất cả”, đến “đều không lìa thức”.

Thuật rằng: Giải thích câu thứ tư của tụng. Hữu vi và Vô vi nếu thật do Y tha mà có chủng tử riêng biệt sinh thì hoặc là thường trụ thật pháp, không tương ứng với giả pháp. Các giả pháp như bình, chậu... tất cả đều không lìa thức. Hữu vi là sở biến của thức, Vô vi là thể của thức, đều không phải ngoài thức mà có, gọi là không lìa thức. Không phải tất cả thể tức là một thức gọi là Duy thức.

**Luận:** “Chữ duy là ngăn trách”, đến “pháp tâm sở”.

Thuật rằng: Ngăn trách lìa ngoài Thức năng biến mà thật có ngã pháp gọi là Duy thức. Không phải không lìa tâm sở, Kiến phần, Tướng phần, sắc, Chân như của thức, cho nên không lìa thức gọi là Duy thức. Đây là Hộ Pháp giải thích câu thứ tư, gồm giải thích người ngoài vấn nạn đã xong. An Tuệ thì tùy ứng giải thích giả và thật, đây là quyển 1 giải thích biến là chuyển biến. Trong hai sư, nghĩa của sư thứ nhất Hộ Pháp và sư thứ hai An Tuệ thì chữ “biến” thông với Tướng phần và Kiến phần, vẫn có hữu và vô như quyển 1 giải thích. Nương vào Kiến phần sở biến trừ thật năng thủ, Tướng phần sở biến trừ thật sở thủ, tùy theo chỗ thích ứng mà hai thủ không có. Văn trên là An Tuệ nói, ngoài ra không phải Phật nói; Hộ Pháp thì đều thông, hoặc đều là Hữu lậu, nói phân riêng.

**Luận:** “Hoặc chuyển biến”, đến “tướng cảnh bên ngoài hiện”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai Nan-đà giải thích. Phần đầu là chữ “các thức” đồng với các sư trước giải thích, cho nên không thuật lại. Nói chuyển biến, tức là Kiến phần thức bên trong của ba năng biến, có thể chuyển Y tha Tướng phần tương tự tướng của cảnh bên ngoài hiện, chỉ có thức bên trong của Kiến phần và Tướng phần đều không có cảnh bên ngoài của sở biến. Ngoại cảnh thông với chỗ có năng thủ và sở thủ. Đây là nương vào Nhiếp Luận nói chỉ có hai nghĩa, không nói

nghĩa của sự tự thể phần. Khác với sự trước, tức là năng biến kế và sở biến kế pháp. Năng thủ và sở thủ của nó đều là trên tâm sở biến Tướng phần vọng chấp riêng có; giả sử chấp Kiến phần là ngã là pháp thì cũng trên sở biến của tâm mà chấp, cho nên không có gì không phải là sở biến. Vì là các thức có công năng chuyển tương tự cảnh bên ngoài, gọi là chuyển biến. Giải thích câu thứ nhất đã xong.

**Luận:** “Năng chuyển biến này”, đến “tâm và tâm sở”.

Thuật rằng: Đây là tên lỗi của hư vọng phân biệt, vì Luận Trung Biên ghi: “Thức năng biến lấy hư vọng phân biệt làm tự tánh”. Đây tức là tâm và tâm sở của ba cõi. Vì chữ “chuyển biến” trong câu đầu của tụng tức là thể của phân biệt trong câu thứ hai.

**Luận:** “Cảnh sở chấp này”, đến “thật tánh của ngã pháp”.

Thuật rằng: Nhân và pháp ngoài tâm gọi là Sở phân biệt, tức là đoạn văn Y tha năng biến phân biệt. Biến kế sở chấp gọi là Sở phân biệt đã nói xong, tức là đã thành tánh Biến kế sở chấp. Đây là giải thích câu thứ hai.

**Luận:** “Do phân biệt này”, đến “đã rộng phá”.

Thuật rằng: Do năng phân biệt biến tự ngoài tâm thật có cảnh ngã pháp hiện, tức là do tâm phân biệt biến thành tướng Y tha tướng phần giả ngã pháp, Luận kia biến kế sở chấp Sở phân biệt ngoài tâm thật có ngã pháp, quyết định đều không có. Chỗ nói Sở phân biệt trong tụng là kế chấp sở chấp, do Sở phân biệt của phân biệt tâm, mà thể thật ra không có. Có lý do gì? Quyển 1 và 2 trước đã dẫn lý giáo rộng phá. Do tâm năng biến biến tương tự tướng hiện, chỗ chấp thật cảnh bên ngoài tâm không có nghĩa. Giải thích câu thứ ba đã xong.

**Luận:** “Cho nên tất cả”, đến “có cực thành”.

Thuật rằng: pháp Hữu vi và pháp Vô vi, thật pháp và giả pháp đều là chỉ có thức, vì năng chuyển biến là hư vọng phân biệt. Hai mươi Bộ nói thể chẳng phải Không, là có lỗi cực thành. Đã như thế thì Chân như và tâm sở không phải là tâm năng biến phân biệt, không phải là pháp sở phân biệt ngoài tâm. Điều này có hay là không?

**Luận:** “Duy đã không ngăn trách”, đến “cũng là Hữu tánh”.

Thuật rằng: Chỉ nói không ngăn trách pháp không lìa thức. Chân như và tâm sở của nó cũng không lìa thức cho nên thể đều là có. Hiện tại Luận này chỉ ngăn trách có Sở phân biệt của thức, không ngăn trách có Chân như không lìa thức. Như lý nên biết.

Giải thích câu thứ tư đã xong. Ý này đã có năng biến phân biệt thức và sở biến cảnh Y tha tướng, thật pháp của Sở phân biệt ngoài

tâm quyết định không có, cho nên chỉ có thức. Chân như và tâm sở đều không lìa thức, cũng là thật có. Văn này chỉ nói Hữu lậu vị, cho nên gọi là phân biệt.

**Luận:** “Do đây lìa xa”, đến “khế hợp Trung đạo”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết. Do lý hai đoạn văn và ba sư này cho nên xa lìa Nhị biên. Không có pháp ngoài tâm cho nên trừ Tăng ích biên, có các hư vọng tâm cho nên lìa Tổn giảm biên. Vì lìa Tổn giảm biên mà trừ các thuyết bác không có như hoa đốm trong hư không của Thanh Biện. Vì lìa Tăng ích biên mà trừ các chấp của Tiểu thừa ngoài tâm có thật pháp. Nghĩa Duy thức thành thì khế hợp với Trung đạo, không có thiên chấp. Nói Trung đạo là chánh trí. Lý thuận chánh trí gọi là khế hợp Trung đạo.

Từ trên đến đây ba sư đã giải thích thức sở biến và giải thích văn tụng nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai có chín vấn đáp, gồm luôn tổng kết là có mười. Phần đầu vấn nạn chỗ nương của Duy thức, trong phần đầu vấn đáp có năm phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Trình bày.
4. Giải thích.
5. Tổng kết.

**Luận:** “Do giáo lý nào mà nghĩa Duy thức được thành”.

Thuật rằng: Đây là phần đầu người ngoài hỏi.

**Luận:** “Lẽ nào đã chưa nói!”

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp. Nói rằng đối với quyển 1 đến quyển 2, phần đầu lấy làm lý, và trong quyển 2 đã dẫn hai bài tụng trong kinh Hậu Nghiêm làm chứng, cho nên nói rằng đã nói rồi.

**Luận:** “Tuy nói chưa rõ”, đến “thành giáo lý này”.

Thuật rằng: Phần thứ ba người ngoài hỏi: Trước đã nói sơ lược nhưng vẫn chưa rõ. Trước tuy phá nghĩa của tôi mà không phải phá nghĩa của người khác, cho nên đã thành nghĩa rồi, đáng lẽ trình bày xác thực thêm nữa giáo lý nào thành tựu Duy thức?

**Luận:** “Như Khế kinh nói”, đến “chỗ hiện của Duy thức”.

Thuật rằng: Phần thứ tư Luận chủ giải thích. Phần đầu là đáp, phần sau là hiển lý. Trong giáo phần đầu bày ra sáu đoạn văn, phần sau là tổng chỉ ba cõi duy tâm, tức là văn trong Địa thứ sáu của kinh Thập Địa quyển 8 và kinh Hoa Nghiêm nói. Thế Thân trong Nhiếp Luận quyển 4 không có giải thích. Vô Tánh quyển 4 rộng giải thích tên và thể

của kinh Thập Địa. Nói duy tâm, là tâm và thức là một. Chữ “duy” là nghĩa trừ bỏ lại cảnh sở thủ, do cảnh sở thủ không có cho nên năng thủ cũng không, không ngăn trách tâm sở, vì không tương ứng. Như nói nếu không có tâm sở và tâm chưa từng chuyển thì câu “ba cõi duy tâm” tức là hiển ba cõi Duy thức, tức là cùng ái kiệt của dục tương ứng đọa vào ba cõi, tức là thuộc tham kết của ba cõi. Hai chữ “duy thức” này không có sở duyên của hoành kế, không trừ bỏ sở duyên của Chân như. Y tha sở duyên là Đạo đế nhiếp sở duyên của căn bản trí và Hậu đắc trí, do nó không bị ái chấp, vì không phải sở trị, không phải mê loạn, không phải ba cõi nhiếp, cũng không lìa thức cho nên không chờ nói, không phải không có Vô lậu và pháp Vô vi. Nếu như thế thì cõi Dục và cõi Sắc có thể nói duy tâm, đó là nói hai cõi duy tâm. Tại sao lại nói Vô sắc duy tâm? Vì phần nhiều Tiểu thừa kế chấp Duy thức của họ, đã có thành lập. Điều này là không đúng. Không những sắc không có, cũng không có tâm năng thủ của tham, cho nên cũng không có nghĩa của thức sở thủ hư không khác. Lại nữa, Kinh bộ chấp không có sắc tâm là không có sắc và không có thể, không có thật nghĩa của sở thủ cảnh hiển hiện sở y, sợ rằng Kiến phần chấp là phi tâm, cho nên nói ba cõi duy tâm. Đây là nghĩa ý của duy tâm như vậy. Lại nữa, hai sư trước có hai giải thích trái nhau, đây là nêu ra có thể khởi chấp hư vọng tâm, cho nên chỉ nói ba cõi, nếu không như thế thì Vô lậu đáng lẽ không phải Duy thức. Lại nữa, nói thức sở duyên Duy thức sở hiện, là văn của kinh Giải Thâm Mật, tức là quyển 76 đồng với ý này. Ông cho rằng sở duyên bên ngoài thức, tôi nói tức là trong thức, chỗ hiện các pháp bên ngoài không thật. Thế Thân nói: “Nói thức sở duyên Duy thức sở hiện, không có nghĩa là cảnh riêng”. Lại nêu ra thức để hiển chỗ của ngã quyết định là chỗ hành của thức. Duy thức sở hiện là không riêng có thể, cho đến Phật bảo Từ Thị không có thiếu pháp có thể thủ thiếu pháp, vì không có tác dụng, nhưng khi pháp sinh duyên khởi thì lực lớn, tức là trên một thể có hai ảnh sinh, lại mong lẫn nhau chẳng tức chẳng lìa. Các tâm và tâm sở do duyên khởi lực tánh của nó Pháp nhĩ như vậy mà sinh. Như thật làm duyên thì trong sơ lược nêu ra.

**Luận:** “Lại nữa, nói các pháp đều là chẳng lìa tâm”.

Thuật rằng: Văn của kinh Lăng-già. Văn này trên dưới rất nhiều, nên không thể phiên dẫn ra.

**Luận:** “Lại nữa, nói hữu tình tùy tâm cấu và tịnh”.

Thuật rằng: Vô Cấu này gọi là kinh. Cự Duy-ma nói: “Tâm tịnh cho nên chúng sinh tịnh, tâm cấu cho nên chúng sinh cấu”. Quyển 4

trước đã dẫn làm chứng cho Thức thứ tám đã xong. Không nói tùy tâm có cấu và tịnh cho nên là duy tâm.

**Luận:** “Lại nữa, nói thành tự”, đến “chỉ có thức không có cảnh”.

Thuật rằng: Văn có ba phần:

1. Nêu chung.
2. Nêu riêng.
3. Tổng kết.

Nếu thành bốn trí thì có thể nhập Duy thức hiện tại Thập địa, tùy theo chỗ ngộ nhập tức là Địa trước, tùy theo nghĩa kinh mà nhập Thập địa, nói bốn trí xứ tên là kinh Tứ Trí, nhưng là kinh A-tỳ-đạt-ma. Nghiệp Luận chỉ nói như Thế Thân nói, không nêu ra chỗ của kinh.

**Luận:** “Một là trái với thức tướng trí”, đến “đây làm sao thành”.

Thuật rằng: Dưới đây riêng hiển bốn trí, Vô Tánh nói: “Rất trái nghịch nhau gọi là tương vi”. Tương vi tức là cảnh, mỗi mỗi đều riêng khác; tương vi là nhân vật gọi là tương vi giả, hoặc gọi là tương vi tức là giả. Nhân và cảnh đều riêng khác; tương vi là thức thì gọi là tương vi thức, nhân sinh ra thức này gọi là tương. Trí của Bồ-tát biết rõ tương này chỉ là nội tâm, cho nên tất cả pháp cũng chỉ có tâm biến. Sông máu mủ của loài quỳ, nhà ở đường sá của loài cá, đất Bảo Nghiêm của chư Thiên, nước trong tịnh của loài người, Không định chỉ có Không, không phải một thật vật lẫn nhau trái nghịch, điều này tuy không phải có Biến kế sở chấp, nhưng nghiệp loại như vậy mỗi mỗi đều biến hiện không đồng. Xưa nói: “Một cảnh đáng lẽ bốn tâm”. Hiện tại nói cảnh, không phải quyết định là một, đáng lẽ là nói một xứ. Giải thích thành hay sai, chứng biết chỉ có thức.

**Luận:** “Hai là không có sở duyên thức và trí”, đến “ngoài ra cũng nên như thế”.

Thuật rằng: Thứ hai duyên quá khứ và vị lai cũng không đồng nghĩa với Kinh bộ, như Tát-bà-đa trước đã phá xong, cho nên trở thành không có cảnh. Trí tức là Bồ-tát trí, là thức không có sở duyên. Thức không có sở duyên là tất cả thức duyên quá khứ, vị lai, đây là chỉ có tâm. Bồ-tát duyên thức này, không có cảnh được sinh cho nên gọi là trí. Xưa nói: “Duyên không được khởi lự”. Hiện tại nói Đại thừa Tương phần chắc hẳn phải có, nên nói cảnh không phải chân, lự khởi chứng biết chỉ có thức.

**Luận:** “Ba là tự xứng với vô đảo trí”, đến “xứng đáng được giải thoát”.

Thuật rằng: Hoặc tất cả phàm phu đã đắc thật cảnh, do cảnh không phải vọng, tức là tất cả phàm phu đáng lẽ không do công dụng tự thành giải thoát. Giải thoát không thành cho nên chỉ có thức. Xưa nói: “Vấn nạn trần là thật có”. Hiện tại nói chứng thật trí không thành, chứng biết chỉ có thức. Từ đây xuống là cảnh tùy ba tuệ chuyển.

**Luận:** “Bốn là tùy ba trí chuyển trí”, đến “như thế nào có thể biến”.

Thuật rằng: Thứ nhất là đắc tâm tự tại, là được tâm điều thuận kham nhận có sở tác, hoặc thắng giả chỉ có Địa thứ tám trở đi. Mặc tình thật biến đại địa được làm kim bảo, khiến cho hữu tình ứng dụng. Cảnh tùy trí chuyển, chỗ muốn đều thành. Hoặc ý hiểu tư duy quán tụy cảnh cũng thành, nhưng hiện tại nắm lấy chuyển đổi bản chất thì không nắm lấy pháp này, trước giải thích là như vậy. Lại nữa, phỏng theo đắc mười tự tại thì Thập địa đều đắc, cứ theo nghĩa này đắc định tự tại, tức là Sơ địa cũng chuyển. Hoặc Địa thứ ba đắc định tự tại, mỗi mỗi đều căn cứ theo Thắng nghĩa mà nói. Nhưng tất cả Di sinh có thể khởi pháp này, đều là cảnh tùy sự tuệ chuyển.

**Luận:** “Hai tùy quán sát trí chuyển trí”, đến “lẽ nào tùy tâm chuyển”.

Thuật rằng: Thứ hai là đắc định, Vô Tánh nói: “Nói rằng chư Thanh văn, Độc giác, chỗ nói về tu, là không và cảnh tương ứng”. Hoặc bốn Thánh đế sở duyên tương ứng. Pháp quán, là Hậu đắc trí này quán chánh pháp diệu tuệ của Khế kinh. Tùy quán trên một cảnh, các hành vô thường nhiều tướng hiển hiện, nói rằng một cực vi quán thành các tướng vô thường, khổ, không và vô ngã hiển hiện. Không phải trên một thể có nhiều nghĩa, nghĩa lẽ nào không phải thể. Nếu một thể thì thể đáng lẽ không phải một, nếu khác thể thì thể đáng lẽ không phải vô thường, do cảnh không thật cho nên chỉ có sở biến của tâm, do đó tùy tâm quán nhiều tướng hiển hiện. Ý này như vậy, cảnh tùy lý tuệ chuyển.

**Luận:** “Ba là tùy vô phân biệt trí chuyển trí”, đến “dung chứa gì mà không hiện”.

Thuật rằng: Phần thứ ba là khởi chứng thật vô phân biệt trí, tức là duyên Chân như quán, lựa riêng với Hậu đắc trí cho nên nói chứng thật. Không phải cảnh thật có mà có thể trí quán không có, trí đáng lẽ trở thành đảo. Trí đã không phải đảo, cho nên cảnh không phải chân. Cảnh tùy chân tuệ chuyển.

**Luận:** “Bồ-tát thành tựu”, đến “quyết định ngộ nhập”.



Thuật rằng: Đây là tổng kết chỗ nói trước.

**Luận:** “Lại nữa, Già-đà nói”, đến “chỉ có thức không có gì khác”.

Thuật rằng: Đây tức là kinh Hậu Nghiêm. Sở duyên của tâm, ý và thức đều không lìa tự tánh, tức là duyên thể của thức. Hoặc sự tánh tức là tự tâm pháp, hoặc Lý thể tức là nghĩa sở y bốn sự. Nói rằng tâm thứ tám, Ý thứ bảy, còn lại sở duyên của sáu thức, đều là tự tâm làm thành cảnh. Phật nói: “Do lý như vậy, Ta nói tất cả Hữu vi và Vô vi đều là chỉ có thức, không có cảnh thật ngoài tâm”.

**Luận:** “Những Thánh giáo này thành chứng không phải một”.

Thuật rằng: Phần thứ hai tổng chỉ hiển có nhiều, tổng kết giáo trên.

**Luận:** “Cực thành nhãn... thức”, đến “lìa tự sắc”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là lý, có bốn tỷ lượng. Thứ nhất tổng nói: “Lập tông nói rằng, cực thành nhãn... thức, không duyên gần lìa tự sắc. Nhân nói rằng, năm tùy theo một. Dụ nói rằng, như những pháp còn lại”. Trong đây có ý nói, như trong năm thức nắm lấy một nhãn thức thì nhãn thức đó cực thành, lựa riêng bất cộng thừa nhận không phải cực thành hữu pháp, tức là Đại thừa nhãn thức của Phật phương khác. Phật của Tiểu thừa không phải Vô lậu nhãn thức, thân tối hậu Bồ-tát là Bất thiện nhãn thức, mỗi mỗi đều là tự và tha không cực thành. Nắm lấy một nhãn thức cực thành, không nắm lấy nhãn thức không cực thành, không duyên gần với sắc lìa tự nhãn thức, đây là cận duyên mà nói, lựa riêng với sắc ngoài tự tâm trong tha thân và sở duyên của Thức thứ tám làm bản chất của nhãn thức, đó cũng là Sở duyên duyên xa. Đây là lập tông đã xong. Nhân nói rằng trong năm thức tùy một mà nhiếp, Luận này thì vẫn đó lược bỏ. Như nhĩ... bốn thức còn lại, nhĩ... bốn thức trong năm thức tùy một mà nhiếp, không duyên gần với lìa tự sắc, vì lìa tự sắc là cảnh của nhãn thức. Nhĩ chỉ có duyên với không lìa tự thanh. Như vậy bốn thức còn lại lần lượt mong nhau, bốn lượng cũng như thế. Hiện tại tổng quát mà nói, nhãn... các thức như những thức khác, lìa tự sắc không chỉ riêng.

**Luận:** “Ngoài các thức”, đến “lìa tự các pháp”.

Thuật rằng: Lượng thứ hai nói: “Ngoài thức ra, cũng không duyên gần với lìa tự các pháp, vì là thức, như nhãn... thức”. Nói rằng cực thành là nói cũng lưu chảy đến đây, Thức thứ bảy và Thức thứ tám người khác không thành. Nói rằng Thức thứ sáu và năm thức còn lại, hoặc riêng nói Thức thứ sáu tức là sợ người khác lấy Thức thứ bảy và Thức thứ

tám làm lỗi bất định, chỉ tổng nói còn lại. Riêng nắm lấy Ý thức thứ sáu kiêm gồm Thức thứ bảy và Thức thứ tám cũng ở trong đó. Như nhãn... thức cũng không duyên gần lìa tự các pháp cho nên lấy làm ví dụ, tức là duyên không lìa tự thức cảnh làm nghĩa của cảnh. Lượng thứ ba nói.

**Luận:** “Cận sở duyên này”, đến “như năng duyên kia”.

Thuật rằng: Ý này muốn nói, trước đã nói cận sở duyên tức là Tướng phần, sợ người khác cho rằng không phải thức làm thể cho nên hiện tại làm thành nó. Hai lượng trước thành Duy thức đã nói xong, riêng có sáu lượng, ở đây tổng quát làm một. Nói rằng sáu thức này gần với Sở duyên duyên, quyết định không phải lìa sáu thức này. Trong Tướng phần và Kiến phần tùy một mà nhiếp. Như kia năng duyên Kiến phần, Kiến phần không lìa thức. Thể tức là thức cho nên lấy làm ví dụ.

**Luận:** “Sở duyên pháp”, đến “tâm và tâm sở”.

Thuật rằng: Đây là Duy thức lượng thứ hai, lại cũng tất cả sở duyên của tự thức, quyết định không lìa năng duyên tâm và tâm sở của ngã, vì là sở duyên pháp, như tương ứng pháp. Thể của tương ứng pháp là tánh của sở duyên. Hữu pháp đồng như trước, cho nên ở đây không nói. Nói rằng tất cả Hữu vi và Vô vi chỉ có pháp của sở duyên quyết định không lìa thức, trong đây không nói tức là thức, vì Hữu vi và Vô vi khác nhau. Trong đây cũng có một phần lỗi tương phù cực thành, vì trí cảnh của tha tâm tức là tâm, điều này cũng không đúng. Hiện tại Luận này chỗ thành cảnh thức của ta, quyết định không lìa thức sở duyên hiện tại của ta. Không phải cho rằng tha tâm cũng tức là tâm của ta, vì là pháp, tức là pháp có thể, không phải là hoa đốm trong hư không, hoa đốm trong hư không không có pháp cho nên không thể làm nhân. Lại nữa, giải thích trừ nó ra cũng được. Tương ứng pháp là tâm và tâm sở, không phải nói cùng với tâm tương ứng, chỉ tổng nói tương ứng cho nên thông với tâm.

**Luận:** “Những chánh lý này”, đến “nên tín thọ sâu”.

Thuật rằng: Những chánh lý này là tổng kết các điều thuyết minh trên. Nên tín thọ sâu, có nghĩa là khuyên người phải tin sâu xa. Từ trên đến đây riêng lấy giáo và lý làm thành đã nói xong. Tiếp theo dưới đây là phần thứ năm tổng kết lấy lý và giáo làm chứng chỗ thuyết minh trên.

**Luận:** “Ngã và pháp không phải có”, đến “cho nên khế với Trung đạo”.

Thuật rằng: Nói rằng chỗ kế chấp thật ngã pháp ngoài tâm là không phải có. Chân như lý Không và năng duyên Chân thức không

phải không có. Hoặc Không tức là lý của nó, thức tức là tục sự. Ban đầu lia Hữu, sau đó lia Vô, cho nên khế hợp với Trung đạo. Tổng kết chỗ nói trước khế hợp Trung đạo, lấy làm chứng chỗ thuyết minh các pháp trên đã xong.

**Luận:** “Từ Tôn nương vào đây”, đến “đó là khế Trung đạo”.

Thuật rằng: Biện Luận Trung Biên quyển đầu chỗ nói bốn tụng của Di-lặc, hư vọng phân biệt có, tức là có ba cõi hư vọng tâm. Cựu dịch đồng với đây, gọi phân biệt tức là năng phân biệt, vì phân biệt cảnh, có thể khởi chấp. Đối với đây, hai pháp đều không có, là hai thứ năng thủ và sở thủ, hoặc hai thứ ngã và pháp, trên vọng tâm này đều không có. Xưa nói: “Xứ kia không có hai thứ”. Chữ “xứ” thì nghĩa cũng tương tự, vì ba chữ “xứ, ư, trung” là Chuyển thứ bảy có sở y. Hiện tại Luận này nói “ư thử” thì cựu Luận nói “bỉ xứ”, phàm nói chữ “thử” là chỉ cho pháp gần đây. Từ trên đến đây bắt đầu thuyết minh vọng hữu. Hiện tại Luận này trên vọng tâm không có hai pháp thì làm sao nói bỉ đối với thử nào vậy? Đã ở chỗ gần có thì có thể nói là thử, trong đó chỉ có Không, là trong vọng tâm này chỉ có Chân như, Chân như là Không tánh, vì nương vào chỗ hiển Không. Trường hàng trước nói Không và thức là có, cũng chỉ có thức này biết. Phạm âm chỉ nói là Thuấn-nhã, tức là Không, lại nói “đa” có nghĩa là tánh. Hiện tại Luận này nói Thuấn-nhã-đa cho nên dịch là Không tánh. Nương vào chỗ hiển của không môn. Phạm âm có chữ “tánh” là tùy thuận theo xứ này mà nói, trong tụng thì lược bỏ. Trừ chữ “tánh” ra thì trong nói chỉ là Không, chỉ cùng với định có khác. Phạm âm nói “đô”, đô không những là duy, mà cũng là nghĩa của định, trên chữ “đô” này thêm A-phước-đa-thích-na thì tức là nghĩa định, cho nên hiện tại nên nói duy là nghĩa định, vì nương vào tha mà quyết định chỉ có Không. Trước đã nói không có hai thứ, ở đây nói duy là lựa riêng với pháp nào? Không cần phải lựa riêng, duy nghĩa là định đối với lý là thù thắng, vì đối với bỉ cũng có thử. Bỉ là chỉ cho trong tánh Không kia cũng có thử, là có vọng phân biệt, tức là Hư không phân biệt là Tục đế. Vọng phân biệt có Không, tức là trong Tục đế có Chân đế không, tức là trong Chân đế không cũng có vọng phân biệt, tức là trong Chân đế cũng có Tục đế. Hai Đế chắc chắn phải lẫn nhau có và không. Một không có thì hai cũng không có, cho nên tướng hình có. Xưa nói: “ Đối với thử cũng có bỉ”, nhưng bỉ và thử là khác nghĩa mà ý thì phần lớn là đồng. Dưới đây là thành nghĩa trước cho nên nói tất cả pháp. Nói rằng Hữu vi và Vô vi nương vào hai pháp này gọi đó là Không, cho nên hai pháp này nhiếp hết các pháp. Hữu vi tức là vọng phân biệt, Vô vi tức là Không

tánh, là trong kinh Bát-nhã nói tất cả pháp. Trong đây chỉ thuyết minh ba cõi tâm và pháp tâm sở cho nên chỉ nói vọng tâm. Theo Cựu dịch ba câu trên tụng này đều đồng với đây, không phải Không không phải Bất không, nói rằng do Không tánh và vọng phân biệt. Nói Phi không vì hai Đế có, nói Phi bất không là hai thứ năng thủ và sở thủ, hoặc hai thứ ngã và pháp, hai thứ đều không có cho nên Phi bất không, vì hữu, vô và cập hữu. Hữu là do vọng phân biệt mà hữu, vô là hai thủ ngã và pháp không có, cập hữu là trong vọng phân biệt có Chân không, trong Chân không cũng có vọng phân biệt. Vì Vô cho nên tức là năng thủ và sở thủ, vì cập hữu cho nên tức là Tục và Không lẫn nhau có. Tiếng Phạm nói Tát-đoả là hữu, cũng gọi là là hữu tình, nghĩa phù hợp nhiều hơn; A-tát-đoả là phi hữu. Chữ “hoặc” không có cho nên văn trong đây lược bỏ, chỉ nói một chữ “cho nên”. Đó là khế với Trung đạo, là nói rằng không phải xưa nay Không như ngài Thanh Biện, cũng không phải xưa nay có như Tiểu thừa, gọi là ở trong Trung đạo.

Nói rằng Nhị đế cũng không đồng với Thanh Biện, hai thủ Vô bất đồng với tiểu bộ, cho nên xử Trung đạo. Xưa nói: “Là nghĩa của Trung đạo”. Nói rằng đây là hợp với Trung đạo, không phải là thuyên đối với nghĩa kia. Từ đây trở lên đều là Luận Biện Trung Biên quyển 1, văn Trường hàng tự giải thích, trong đó nói: “Lý thú như vậy diệu khế với Trung đạo, cũng khéo phù thuận với các kinh Bát-nhã nói Phi không phi hữu”.

**Luận:** “Tụng này y vào”, đến “tịnh phần Y tha”.

Thuật rằng: Giải thích hai tụng trước không ngăn trách tịnh phần, cho nên là có. Hiện tại Luận này nương vào hư vọng sinh tử khả đoạn vị chứng Niết-bàn trong ba cõi, cho nên không nói thanh tịnh. Từ trên đến đây đã dẫn giáo và lý làm thành nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai vấn nạn thế sự trái với tông, tức là ngoài Duy thức hai mươi tụng dẫn làm chứng.

**Luận:** “Hoặc chỉ có thức bên trong”, đến “định và bất định chuyển”.

Thuật rằng: Văn này đoạn thứ hai, người ngoài vấn nạn từ ngữ.

Hỏi: Nếu chỉ có thức bên trong không có cảnh bên ngoài tâm thì như thế nào hiện thấy?

Đáp: Thế gian không phải do hai sự xứ và thời của tình và vật quyết định. Thân hữu tình của thế gian và phi tình dụng hai sự không quyết định chuyển, trong đây nói tổng ý để hiển ba thứ xứ, thời và dụng là phi tình, thân là hữu tình. Đây là nương vào Nhị Thập Luận, căn cứ

theo lý nói bốn sự đều thông.

Cựu Chân Đế Luận ghi: “Xứ và thời đều không có định, không có tương tục bất định, tác sự đều không thành, hoặc Duy thức không có trần”.

Bồ-đề-lưu-chi Luận rằng: “Hoặc chỉ có tâm không có trần thì lìa cảnh bên ngoài vọng kiến, xứ, thời, định, bất định, nhân và sở tác sự”.

Tân phiên Luận nói: “Nếu thức không có thật cảnh thì xứ và thời quyết định, tương tục không quyết định, tác dụng không đáng thành”. Nói tương tục tức là thân.

Trường hàng kia ghi: “Nếu lìa pháp sắc ngoài thật Hữu sắc thì thức sinh không duyên sắc”.

Hỏi: Nhân đâu thức này có xứ được sinh mà không phải tất cả xứ?

Đáp: Đây là vấn nạn xứ và định của sư Kinh bộ thứ nhất. Bình Luận về lượng, ngoại đạo nói: “Như ông không phải duyên xứ của núi Chung nam thì duyên thức này đáng lẽ sinh, chấp thật núi đó không có tâm này sinh, như chánh duyên xứ đó”. Đây là nói hiện thức, không phải nói tỷ thức. Nếu nói tỷ thức thì không phải xứ này cũng sinh.

Luận đó quyển 2 vấn nạn rằng: Tại sao xứ này có thời thức khởi không phải tất cả thời?

Đáp: Đây là vấn nạn thời thứ hai quyết định. Bình Luận về lượng, ngoại đạo nói: “Như ông khi không phải duyên núi Chung nam thì duyên thức này đáng lẽ khởi chấp thật cảnh không có tâm này sinh, như khi duyên núi Chung nam”.

Luận đó quyển 3 vấn nạn rằng: Đồng một xứ và thời có nhiều tương tục, tại sao không quyết định tùy một thức sinh?

Đáp: Như người bị hoa mắt nhìn thấy ruồi nhặng và tóc bằng nhau, có hoa mắt thì có thức này sinh. Đây là vấn nạn tương tục Bất định thứ ba. Bình lượng ngoại đạo nói: “Có nhiều tương tục đồng nhất thời, ở nơi một xứ sở đáng lẽ quyết định một lần thấy, lần khác không thể thấy, vì chấp chỉ có thức, như nhiều tương tục đồng nhất thời đối với một hoa đốm trong hư không mà có thấy và không thấy”.

Luận kia quyển bốn vấn nạn, trong đó có ba câu hỏi:

1. Lại có nhân gì mà chỗ tác dụng của những người hoa mắt thấy tóc đồng như không có tóc?

Đáp: Các vật của tóc khác, tác dụng của nó không phải không có. Bình lượng ngoại đạo nói: “Tóc của ông đáng lẽ không có tác dụng đó, chấp cảnh không phải thật tâm này sinh, như chỗ thấy tóc của người hoa

mắt. Lại nữa, chỗ thấy tóc của người hoa mắt, đáng lẽ có thật tác dụng, vì chấp không có tóc thật cảnh thức sinh, như tóc khác”.

2. Lại có nhân gì trong mộng được ăn uống, dao gậy, độc dược, y phục... mà không có tác dụng của ăn uống...?

Đáp: Ngoài các vật ăn uống khác, tác dụng của nó không phải không có. Bình lượng ngoại đạo nói: “Sự ăn uống của ông đáng lẽ không có thật tác dụng, vì thừa nhận thể không phải thật tâm này sinh, cũng như trong mộng chỗ thấy các vật ăn uống. Lại nữa, sự ăn uống trong mộng đáng lẽ có thật tác dụng, vì chấp không có cảnh này và thức này sinh, như chỗ có ăn uống không phải trong mộng”.

3. Lại có nhân gì thành tâm hương mà không có tác dụng của thành?

Đáp: Ngoài các vật của cái thành khác, tác dụng của nó không phải không có. Bình lượng ngoại đạo nói: “Tất cả cái thành đáng lẽ không có tác dụng của cái thành, vì thừa nhận không có thật cái thành sinh tâm này, như thành tâm hương. Lại nữa, thành tâm hương đáng lẽ có thật tác dụng, vì thừa nhận không có thật cảnh thức này sinh, như không phải chỗ có cái thành của tâm hương. Như trên đều có tỷ lượng ngược lại, sợ phiền cho nên lược bỏ. Như vậy gọi chung là ý vấn nạn của người ngoài.

**Luận:** “Như cảnh mộng đáng lẽ giải thích nghi này”.

Thuật rằng: Đây là chỉ cho các giải thích.

Chân Đế Luận rằng: “Nghĩa của các định xứ làm thành, như mộng, như ngạ quỷ, tương tục không quyết định, tất cả đồng thấy sông máu mủ, như mộng hại làm việc. Lại nữa, như địa ngục tất cả đều thấy lính ngục và cùng thọ sự bức hại.

Bồ-đề-lưu-chi Luận rằng: “Xứ và thời các sự đều không có sắc ngoài pháp, người mộng và ngạ quỷ đều nương vào nghiệp hư vọng mà thấy, như trong mộng tuy không có người nữ động thân nhưng có tổn thất bất tịnh, các thứ chúa ngục làm cho họ bị bức nã”.

Tân phiên Luận: “Xứ định và thời định như mộng, thân không quyết định như quỷ đồng thấy sông máu mủ, như mộng tổn hại hữu dụng”. Ở đây lấy ba sự làm ví dụ để giải thích bốn câu vấn nạn trước.

**Luận kia ghi:** “Là như trong mộng, tuy không có thật cảnh, nhưng hoặc là có xứ thấy có làng vườn, nam nữ, các vật không phải tất cả xứ”. Đây là đáp vấn nạn xứ định.

Lập lượng chất vấn rằng: “Mộng của ông trong chỗ đó thấy có thôn vườn, đáng lẽ không phải xứ định, vì ông thừa nhận mộng cảnh

không phải thật có, như trong chỗ bất kiến xứ trong các mộng khác. Bất kiến xứ khác làm ví dụ cho sở kiến xứ, tỷ lượng cũng như thế. Trong đây tuy có thể gian và tự tông thành hai lỗi tương vi, đặt chữ “ông” do đó để lựa riêng nó”.

Chánh giải thích lượng rằng: “Chính khi không phải mộng thì cảnh tuy không thật có, nhưng các sự sở kiến cũng định, vì thừa nhận cảnh như vậy đều không có thật, như sở kiến của mộng lấy nhân mà nói thừa nhận. Không có tùy một lỗi, vì nói “như vậy”, không lấy Chân như cũng không có lỗi bất định”.

**Luận kia ghi:** “Là nơi xứ đó, hoặc có thời thấy có thôn vườn kia, không phải tất cả thời”. Đây là đáp vấn nạn thời định.

Lập lượng cứ như trước. Ở đây lấy một ví dụ để giải thích vấn nạn hai thứ xứ định và thời định.

**Luận kia ghi:** “Nói rằng như ngựa quý đồng nghiệp Dị thực nhiều thân cùng tụ tập đều thấy sông máu mủ. Không phải định trong đây chỉ có một kiến, các ngựa quý này hoặc thấy phần và thấy hữu tình cầm dao gậy, hung hăng ngăn cản thủ hộ khiến cho không được ăn”. Đây là đáp vấn nạn tương tục không quyết định.

Lập lượng giải thích: “Đồng một thời, đồng một xứ tương tục không quyết định, lý đó được thành, vì thừa nhận cảnh không thật, cũng như ngựa quý thấy sông máu mủ. Tiểu thừa Kinh bộ và ngoại đạo đều tin quỷ thấy sông máu mủ không phải thật, vẫn là thân không quyết định, cho nên lấy làm ví dụ”.

**Luận kia rằng:** “Lại như cảnh bên trong mộng, tuy không có thật, nhưng có các tác dụng tổn thất tinh huyết”. Đây là đáp vấn nạn tác dụng không quyết định.

Lập lượng giải thích: “Bị hoa mắt thấy tóc, hoặc không bị hoa mắt thấy tóc, có tác dụng hoặc không có tác dụng, lý đó cũng thành, vì thừa nhận không có thật cảnh, như mộng tổn thất tinh huyết”.

Từ trên đến đây, một tụng lấy ba loại dụ để giải thích bốn vấn nạn đã nói xong. Luận kia tiếp theo có một tụng, lấy một loại dụ hợp chung giải thích bốn vấn nạn. Tất cả như địa ngục, đồng thấy lính ngục, có thể làm các sự bức hại, cho nên bốn nghĩa đều thành.

Trường hàng kia ghi: “Nói rằng trong địa ngục tuy không có chân thật hữu tình và các sự số nhiếp lính ngục... mà hữu tình đó cùng chung sức tăng thượng của nghiệp Dị thực, đồng xứ, đồng thời, nhiều tương tục mà đều cùng thấy có các vật lính ngục, chó sắt, quạ sắt, núi sắt đến chỗ đó làm các sự bức hại”.

Lập lượng giải thích: “Ngoài các vị xứ định khác, không phải không được thành, vì thừa nhận không có thật cảnh của thức này sinh”. Như người trong địa ngục, bốn sự này đều được thành, vì ngoại đạo thừa nhận Phi hữu tình, cho nên được lấy làm ví dụ, vì đây tuy không có thật cảnh lia thức, nhưng bốn nghĩa của xứ định đều thành, nói rộng như trong Nhị Thập Duy Thức. Hiện tại nêu ra một mộng cảnh đồng với hai ví dụ khác và một thứ dụ, đáng lẽ để giải thích nghi ngờ của ông.

**Luận:** “Duyên gì Thế Tôn nói mười hai xứ”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn lỗi tương vi của Thánh giáo thứ ba. Người ngoài hỏi: Nếu không có thật nhãn và sắc ngoài tâm thì duyên gì Thế Tôn trong Khế kinh nói mười hai xứ? Chỉ nên nói có ý và pháp xứ. Cự Duy thức nói có A-hàm là chí giáo, cho nên dẫn kinh đó vấn nạn.

**Luận:** “Nương vào sở biến của thức, không phải riêng thật có”.

Thuật rằng: Đây là giải thích người ngoài nghi, trong đó có hai ý:

1. Y nhãn sắc sở biến của thức, cho nên kinh nói có mười hai xứ, không phải lia ngoài thức tâm mà riêng có nhãn, sắc... làm mười hai xứ, cho nên không trái với kinh. Nhị Thập Duy Thức nói tưng đáp rằng:

*Thức từ tự chủng sinh,  
Tợ cảnh tướng mà chuyển,  
Làm thành nội ngoại xứ,  
Phật nói đó là mười.*

Tợ sắc hiện thức từ tự chủng tử hợp lại chuyển biến sai biệt mà sinh, Phật nương vào chủng tử này và sở hiện sắc, như tiếp theo nói làm nhãn xứ, sắc xứ... như vậy cho đến tợ xúc hiện thức từ tự chủng tử duyên hợp lại chuyển biến sai biệt mà sinh. Phật nương vào chủng tử đó và sở hiện xúc, như tiếp theo nói làm thân xứ và xúc xứ. Y theo mật ý này nói sắc mười xứ, không phải lia ngoài thức mà có nhãn xứ, sắc xứ. Giải thích này như trong quyển 4 trước.

2. Vì chưa kiến lập Thức thứ tám mà ẩn năm sắc căn không nói. Nói chủng tử làm căn sở lia thức, ngoài ra như trước đã nói. Hiện tại Luận này phỏng theo bản thức mà mở chánh nghĩa, không đồng với nó cũng được, cùng là thức biến.

**Luận:** “Vì nhập ngã không mà nói mười hai pháp”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ hai giải thích. Mật ý nói lợi thù thắng của sắc mười xứ. Nhị Thập Duy Thức lại nói tưng rằng:

*Y giáo này nhập được,  
Số thủ thú Vô ngã.*

Y chỗ nói này là mười hai xứ giáo thọ giáo hoá, có thể nhập số thủ



thú Vô ngã, nói rằng nếu biết rõ từ mười hai pháp có sáu thức chuyển, đều không có kiến cho đến tri, nên phải thọ hữu tình Vô ngã giáo thì có thể ngộ nhập hữu tình Vô ngã. Do phá một hợp với thật ngã tưởng khiến cho nhập ngã Không mà nói sắc mười xứ, không phải nói thật có nhân, sắc lìa thức.

Hỏi: căn cứ theo thật mà nói thì chỉ có thức của nó, đâu cần phải nói mười hai xứ?

**Luận:** “Như ngăn trách đoạn kiến mà nói hữu tình tương tục”.

Thuật rằng: Đây là hiển nói hai xứ dụ kia. Nhị Thập Duy Thức lại nói tụng rằng:

*Y chỗ hóa sinh kia,  
Thế Tôn mật ý thú,  
Nói có sắc các xứ,  
Như hóa sinh hữu tình.*

**Luận kia tự giải thích:** Như Phật nói có hóa sinh hữu tình, Luận kia chỉ nương vào tâm tương tục bất đoạn có thể qua đời sau. Mật ý thú nói, không nói thật có hóa sinh hữu tình, nói không có hữu tình ngã, chỉ có pháp và nhân. Nói sắc các xứ, Khế kinh cũng vậy. Nương chỗ hóa sinh thì nên thọ giáo kia. Mật ý thú nói, không phải riêng thật có. Như có ngoại đạo kế chấp ngã thật có, Phật thuyết Vô ngã. Ngoại đạo Luận lời Phật thuyết, cho rằng từ khi chết trở về sau là đoạn diệt không còn thừa, liền đến hỏi Phật:

- Sau khi chết là Vô ngã thì lẽ nào không phải đoạn diệt?

Phật đáp người đó rằng:

- Có hóa sinh hữu tình tương tục sau khi chết không phải cho là đoạn diệt, thật ra không có hữu tình, chỉ có như huyễn hóa sinh hữu tình.

Phật quán sát ý của người đó, sợ cho rằng đoạn diệt, nói trong Hữu hóa sinh hữu tình, không phải thừa nhận thật có hóa sinh hữu tình, chỉ tùy chỗ thích nghi, Phật liền vì người đó mà thuyết pháp, cho nên nói các xứ, nghĩa của nó cũng như thế. Pháp thể lìa nói năng, vì pháp huyễn hoá, không phải mười hai xứ, cho nên hiện tại dẫn văn này làm đồng dụ.

Hỏi: Chúng sinh chấp có ngã, vì phá thật ngã mà nói pháp xứ, chúng sinh chấp có pháp, vì phá pháp đó đáng lẽ nói riêng phải không?

**Luận:** “Vì nhập pháp không”, đến “cũng không phải có”.

Thuật rằng: Đây là giải thích nghi ngờ của người ngoài. Nhị Thập Duy Thức lại nói tụng rằng:

*Chỗ chấp pháp Vô ngã,  
Lại nương giáo khác nhập.*

Trường hàng kia ghi: “Lại nương vào đây nói Duy thức giáo thọ giáo hóa khác có thể nhập chỗ chấp pháp Vô ngã”, nghĩa là nếu biết rõ pháp của Duy thức hiện tợ sắc khởi thì trong đây đều không có tướng pháp, đáng lẽ thọ các pháp Vô ngã giáo thì có thể ngộ nhập các pháp Vô ngã, vì nói Duy thức trừ pháp kiến của nó, khiến cho biết ngoài pháp cũng không phải có.

**Luận:** “Tánh Duy thức này lẽ nào cũng không phải Không?”

Thuật rằng: Đoạn văn này là vấn nạn Duy thức thành Không thứ tư. Người ngoài lại hỏi: Vì trừ pháp chấp đã nói Duy thức, tánh Duy thức này lẽ nào cũng không phải Không? Đây là hỏi Y tha gọi là tánh Duy thức, tức là tánh của tướng, không hỏi chân lý. Nhị Thập Duy Thức ghi: “Nếu biết tất cả chủng của các pháp không có nhập pháp Vô ngã thì Duy thức cũng là tất cánh vô”. An lập chỗ nào?

**Luận:** “Không đúng”.

Thuật rằng: Đây là đáp Duy thức, tánh của nó không phải Không.

**Luận:** “Như thế nào?”

Thuật rằng: Đây đã không phải Không rồi thì nó như thế nào?

**Luận:** “Vì không phải chỗ chấp”.

Thuật rằng: Hữu vi và Vô vi gọi là hữu, ngã và ngã sở gọi là vô. Đã không phải chỗ chấp cho nên là hữu.

**Luận:** “Nói rằng nương thức biến”, đến “nói là Pháp không”.

Thuật rằng: Đây là rộng phản đối chấp. Nói rằng nương trên Kiến phần và Tướng phần của thức sở chấp mà vọng chấp có thật pháp, đây tức là pháp ngã. Lý bất khả đắc nói là Pháp không, không phải Không lìa Biến kế sở chấp thật có chánh thể Vô lậu và hai chánh trí hậu đắc làm chỗ chứng tánh Duy thức, cho nên nói là Pháp không. Không có Biến kế sở chấp gọi là Pháp không. Giả sử Y tha thì pháp thể cũng lìa, tức là nói có Y tha gọi là tánh Duy thức, sở duyên của Hậu đắc trí, vì biết Duy thức cho nên chứng ly ngôn của nó. Chánh thể trí tự chứng phần của nó cũng chứng Y tha, vì duyên với Kiến phần, cho nên ở đây tổng nói.

**Luận:** “Thức này nếu không có”, đến “mà kiến lập”.

Thuật rằng: Nếu Duy thức không có, tức là không có Tục đế, vì Tục đế tức là Y tha. Tục đế nếu không có thì cũng không có Chân đế, vì Chân đế và Tục đế nương nhau mà kiến lập, nương vào thức Tục sự

mà có lý Chân đế. Hai tướng này đối đãi lẫn nhau, thiếu một thì không được. Trong bốn lớp Tục đế thì ba lớp trước là Tục đế, Tục đế thứ tư trong Tục đế là Chân đế trong Tục đế, cho nên trong Tục đế quyết định chân và tục cũng là tương y lẫn nhau. Trong tứ trùng Chân đế thì ba lớp trước là Tục đế, lớp thứ tư là Chân đế, tức là trong Chân đế, chân và tục cũng là tương y lẫn nhau, hoặc tổng bốn Đế tục và chân mong nhau, đều là chân hay đều là tục cũng là tương y. Nếu không có một tục thì chân đối cái gì mà lập, không có chân cũng như thế! Cho nên cả hai Đế cần phải có.

**Luận:** “Bác không có hai Đế”, đến “nói hai bài tụng trước”.

Thuật rằng: Hoặc bác không có thức và tánh, tức là bác không có hai Đế, Phật nói đó là người bất khả trị, trầm luân trong sinh tử, bệnh căn thâm sâu, tức là nhóm của ngài Thanh Biện. Nên biết các pháp Biến kế sở chấp không có, cho nên có Không. Y tha và Viên thành có, cho nên có Bất không. Do đó Di-lặc nói hai tụng trước, tức là tụng Trung Biên trước. Nghĩa của Nhị Thập Duy Thức đồng với đây. Văn dưới đây vấn nạn sắc tướng Phi tâm thứ năm. Người ngoài hỏi.

**Luận:** “Hoặc các sắc xứ”, đến “tương tục chuyển”.

Thuật rằng: Nhiếp Luận quyển 4 cũng có vấn nạn này. Luận Vô Tánh ghi: “Hoặc các sắc xứ cũng lấy thức làm thể phải không?” Đây là hỏi nguyên nhân sắc và thức trụ vững chắc tương tục mà chuyển. Tợ sắc tướng, là vì có hình ngại. Một loại là nghĩa tương tợ. Trước sau một loại có biến dị, cũng không có gián đoạn cho nên gọi là trụ vững chắc. Thiên Thân nói “trụ nhiều thời”, tức là ở đây nói tương tục mà chuyển”. Một loại trụ vững chắc tức là tương tục mà chuyển, là ý hỏi trong đây.

**Luận:** “Danh ngôn huân tập thế lực khởi”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp. Vọng huân tập sắc tướng tương tợ cho nên có tướng này hiện, không phải là chân thật có. Luận Vô Tánh và Thiên Thân đều không có giải thích này, nghĩa là từ vô thỉ danh ngôn huân tập trụ tại trong thân, do thế lực của nó, sắc này khởi tương tục mà chuyển.

**Luận:** “Cùng nhiễm pháp và tịnh pháp mà nương vào xứ”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai. Thế nào là y?

**Luận:** “Nói rằng đây nếu không có”, đến “cũng tợ sắc hiện”.

Thuật rằng: Đây là nói rộng chữ “Y” ở trước. Do ban đầu mê chấp cảnh của sắc, cho nên sinh điên đảo. Sắc nếu không có, đáng lẽ không có điên đảo. Điên đảo tức là các thức duyên cảnh sắc này mà khởi vọng chấp gọi là điên đảo. Các thức này không có điên đảo cho nên

liền không có tạp nhiễm. Tạp nhiễm tức là phiền não, nghiệp và sinh. Hoặc thể của điên đảo tức là phiền não, nghiệp và sinh. Những thứ này không có, cho nên liền không có hai chướng tạp nhiễm, vì hai chướng tạp nhiễm không có thì Vô lậu tịnh cũng nơi nơi đều có sở đoạn, cho nên đâu có gì để thanh tịnh.

**Luận:** “Như có tụng nói”, đến “hoặc Vô dư cũng không có”.

Thuật rằng: Nhiếp Luận quyển 4 bản tụng của Vô Trước. Loạn tướng, tướng tức là nhân, loạn là tâm vọng đảo, vì lấy sắc thức làm nhân để khởi vọng tâm. Nói sắc thức làm loạn tướng thì loạn thể tức là các thức. Thuận với tổng kết bài tụng pháp, cho nên văn càng cách xa, đáng lẽ thừa nhận làm sắc thức tức là loạn tướng, cùng với phi sắc thức tức là loạn thể. Bình vấn nạn của họ rằng: Nếu không thừa nhận có ngoại sắc thì tại sao tự sắc hiện. Hiện tại đáp là do loạn tướng và loạn thể. Ông đáng lẽ thừa nhận có sắc thức và Phi sắc thức. Nếu không có sở biến tự sắc loạn nhân thì năng biến loạn thể cũng không được có, vì cảnh nhân có thể sinh quả của tâm.

**Luận:** “Cảnh bên ngoài sắc”, đến “lẽ nào bác là không có”.

Thuật rằng: Đây là văn thứ sáu vấn nạn hiện lượng làm tông. Người ngoài hỏi: cảnh bên ngoài sắc... năm pháp, năm thức hiện chứng phân minh, là hiện lượng Đại và Tiểu cực thành, lẽ nào bác là không có? Nhị Thập Duy Thức ghi: “Các pháp do lượng phán phân định là có hay không. Trong tất cả lượng thì hiện lượng là thù thắng. Nếu không có cảnh bên ngoài thì làm sao có giác này? Ta nay hiện chứng cảnh như vậy hay sao!”

**Luận:** “Khi hiện lượng chứng”, đến “vọng sinh ngoại tướng”.

Thuật rằng: Dưới đây Luận chủ nương vào tự tông để đáp. Năm thức và Ý thức đồng thời, khi hiện lượng đặc không chấp làm cảnh bên ngoài thì đó là tự tướng của hiện lượng đặc, là pháp thể không phải ngoài, cho nên không nói pháp bên ngoài, vì không có pháp bên trong, không có kế chấp so lường. Thuận theo tông khác giải thích thì năm thức duyên cảnh bên ngoài khi hiện lượng đặc không chấp làm cảnh bên ngoài.

**Luận:** “Cho nên hiện lượng cảnh”, đến “nói đó là không có”.

Thuật rằng: Vì hiện lượng chiếu theo tự thể, là tự chứng phần trong bốn phần của năm thức, vì sở biến thức, hiện tại nói là có cũng là năng biến thức. Sau khi chỗ chấp bên ngoài mà Ý thức chấp làm cảnh của thật sắc, vọng kế chấp tình là có, nói cảnh là không phải có, đây là thuyết minh nội tâm biến tự sắc, hiện ra là Tướng phần của tâm, đây

chỉ có phi cảnh bên ngoài chỗ vọng kế chấp pháp ngoài tâm là không có, nói chấp kia không phải có, vì không xứng với cảnh. Sân trong năm thức, cũng không thân cận không thuận với bản chất cảnh, chỉ xứng với cận sở duyên Tướng phần, vì không phải Biến kế sở chấp. Nhị Thập Duy Thức nói tụng này rằng:

*Hiện giác như giấc mộng,  
Khi đã khởi hiện giác,  
Kiến và cảnh không có,  
Lẽ nào có hiện lượng?*

Các Chánh lượng bộ mỗi mỗi đều phá đó. Sư Chánh lượng bộ thừa nhận cảnh thì tương tục, các thức thì sát-na. Hiện tại phá đó rằng: “Sau năm thức khi ý duyên hiện sắc thì hiện lượng năng kiến của năm thức đã diệt mất không phải có. Sau năm thức này là ý phân biệt cho nên nói là cảnh bên ngoài, do đó không phải là hiện chứng. Sắc của Tát-bà-đa cũng niệm niệm diệt, sau khi ý duyên thì kiến và cảnh cũng không có. Năm thức và sở duyên đều đã diệt, tại sao có hiện giác? Điều này tổng nói trong văn Luận, ý có hàm chứa hai thứ, vì sáu thức của hai tông kia không đồng thời. Hoặc Đại chúng bộ và Đại thừa, các thức tuy đồng thời nhưng năm thức đồng thời hiện lượng thì Ý thức đồng với năm thức. Hai hiện lượng này không phân biệt chấp, sau đó Ý thức mới phân biệt chấp gọi là cảnh bên ngoài. Khi hiện lượng dứt thì không giải thích là cảnh bên ngoài. Nhưng hiện trong đây căn cứ theo tự phần nhiều và ngay tha tông nói khi hiện lượng không chấp làm cảnh bên ngoài, nhưng thật ra năm câu cũng có Ý thức vọng chấp. Năm thức tương tục duyên sắc thì Ý thức và năm thức đồng duyên, hoặc không chấp, hoặc nghe âm thanh đáng lẽ không chấp là thật, hoặc năm thức diệt mới khởi chấp. Sinh sai năm thức tại sao chấp đoạn? Nhưng chỉ có sự kiên cố và thâm sâu thì có thể nói là có khác, không phải năm thức đồng thời không có chấp, các chỗ trong kinh Luận chỉ nói năm thức câu Ý thức là hiện lượng, không nói quyết định như thế, cho nên không có lỗi tương vi, do đó cũng không có nhiều lỗi. Như trong Biệt sao trình bày các sư nói. Đây là nương vào đạo lý để đáp người ngoài, từ đây xuống là nương vào tánh của pháp thể không phải trong ngoài để ngăn trách người ngoài chấp càng nói bậy là cảnh bên ngoài.

**Luận:** “Lại nữa, cảnh của các sắc”, đến “là thật ngoại sắc”.

Thuật rằng: Cảnh của Y tha sắc, thể của nó không phải là Biến kế sắc mà là tự Biến kế chấp sắc. Biến kế sở chấp sắc tuy không có, chỉ có tự tình kế chấp, không phải cảnh bên ngoài và tự cảnh bên ngoài, như

các pháp sở duyên trong tự mộng, không thể chấp làm thật cảnh bên ngoài, cũng chấp làm sắc ngoài tâm. Như các vấn nạn của Tiểu thừa không nói Ý thức hiện lượng chấp làm ngoại sắc, chỉ nói năm thức phân biệt hiện chứng có hay sao? Hiện tại Luận này lấy lý để đáp. Trước giải thích năm thức không chấp làm cảnh bên ngoài mà ý chấp cảnh bên ngoài. Hiện tại Luận này nói sở duyên của năm thức tương tự cảnh bên ngoài, nhưng thể không phải cảnh bên ngoài, chỉ hiển chánh nghĩa mà không phải phá.

**Luận:** “Hoặc khi giác các sắc”, không biết Duy thức”.

Thuật rằng: Văn trong đoạn thứ bảy, vấn nạn mộng và tỉnh giấc tương vi. Người ngoài hỏi: nếu khi giác tất cả sắc, đều là như cảnh bên trong mộng, không lìa các thức phải không? Đây là đoạn văn quyết định tha tông. Từ đây trở xuống là vấn nạn, đầu tiên nêu ra ví dụ, sau cùng mới bắt đầu vấn nạn. Như từ trong mộng mà giác biết duy tâm kia, liền nêu ví dụ. Khi hiện giác biết rõ ràng thì cảnh sở thủ đã như cảnh mộng, tại sao khi giác đối với tự sắc cảnh mà không biết Duy thức? Như trong mộng khi tỉnh giấc thì biết duy tâm kia. Đây là đồng với vấn nạn trong Nhiếp Luận quyển 4.

**Luận:** “Như mộng chưa giác”, đến “sắc cảnh Duy thức”.

Thuật rằng: Dưới đây trong phần Luận chủ đáp. Trước nêu cực thành làm ví dụ, nói rằng như mộng mà chưa giác thì không thể tự biết, phải đến khi tỉnh giấc mới có thể truy nhớ cảnh mộng trước mà thể không thật mới tỉnh giấc như mộng. Sau giải thích vấn nạn trước, khi giác biết cảnh sắc thì đáng lẽ tri cũng như thế? Nhị Thập Duy Thức tụng ghi: “Chưa tỉnh giấc thì không thể biết những chỗ bị thấy trong mộng không phải có”. Nói rằng chưa có chân giác thì luôn luôn không thể tự biết, đến khi có Vô lậu chân giác thì cũng có thể truy nhớ mộng cảnh sinh tử, giác biết là cảnh mộng đều không phải có. Tại sao sinh tử mà nói là mộng vậy? Khi chưa được mộng thì giác hằng trong mộng, cho nên Phật nói là sinh tử trong đêm dài. Sự hôn mê cũng giống như mộng, do đạo lý này mà chưa biết rõ cảnh sắc Duy thức của sắc.

Từ trên đến đây nương vào giáo thiết lập vấn nạn đã nói xong. Từ đây xuống phần thứ tám, người ngoài nắm lấy tha tâm để vấn nạn.

**Luận:** “Ngoại sắc thật không có”, đến “lẽ nào không phải tự sở duyên”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Ở đây trước hết là thành lập cảnh năm sắc là vô, tha tâm là thật hữu, mộng không phải là tự sở duyên, tức là tâm nắm lấy cảnh bên ngoài. Nếu không duyên nhiếp, tại

sao có mà không duyên nhiễm? Thế nào gọi là Tha tâm trí? Nhị Thập Duy Thức cũng có vấn nạn này. Luận kia nói: “Nếu không thể biết thì tại sao gọi là Tha tâm trí?” Duy thức đáng lẽ không thành.

**Luận:** “Ai nói tha tâm”, đến “là Cận sở duyên”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp. Người nào nói tha tâm không phải là cảnh của tự thức, thừa nhận có tha tâm cũng là cảnh của ngã, cho nên có Tha tâm trí. Nhưng không nói tha tâm là tự tâm cận sở duyên, cho nên thành Duy thức.

**Luận:** “Nói rằng khi thức sinh”, đến “là tự sở biến”.

Thuật rằng: Không có thật tác dụng, các pháp đều như thế. Không có tác dụng và tác giả, tâm duyên nơi cảnh không giống như tay và kềm thân cận trực tiếp cầm nắm các vật ngoài thân; cũng không phải như mặt trời, mặt trăng, ánh lửa phóng ánh sáng chiếu trực tiếp thân cận các vật ngoài thể. Tâm khi duyên chỉ giống như gương của ông chiếu soi vật, tương tự cảnh bên ngoài hiện, gọi là liễu tha tâm; hình bóng của tha tâm hiện trên tự tâm gọi là liễu tha tâm. Cận sở liễu gọi là Tướng phần của tự sở biến, vì không có tác dụng và thật tế không thể nắm lấy cảnh bên ngoài.

**Luận:** “Cho nên Khế kinh nói”, đến “gọi là nắm lấy vật kia”.

Thuật rằng: Giải Thâm Mật ghi: “Không có ít pháp, không có ít thật pháp có thể nắm lấy pháp khác”. Pháp khác, là chỉ cho thật pháp ngoài tâm, không phải tự thật tâm có thể nắm lấy tha thật tâm, chỉ có khi thức sinh tương tự tướng tha tâm kia hiện thì gọi là nắm lấy tha tâm.

**Luận:** “Như duyên sắc của tha tâm cũng như thế”.

Thuật rằng: Duyên sắc của tha tướng phần thì tự thân riêng sắc sở duyên của thức cũng như thế. Vô Tánh quyển 4 ghi: “Vì không có tác dụng, như vậy khi tâm sinh thì duyên khởi pháp không mất thế lực, tức là trên một pháp thể có hai hình bóng sinh là Tướng phần và Kiến phần, lại mong lẫn nhau chẳng tức chẳng lìa”. Các tâm và pháp tâm sở do sức duyên khởi, tánh Pháp nhĩ của nó như vậy mà sinh, như vật chất làm duyên thì trở lại thấy bản chất, lấy tâm làm duyên thì trở lại thấy tự tâm, không riêng thấy ngoài tâm. Nhị Thập Duy Thức tụng:

*Tha tâm trí là gì?*

*Biết cảnh không như thật,*

*Như biết tự tâm trí,*

*Không biết như Phật cảnh.*

Rộng nói như Sao giải của nó. Dưới đây vấn nạn dị cảnh không phải duy.

**Luận:** “Đã có dị cảnh, tại sao gọi là Duy thức?”

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ chín, người ngoài hỏi: Nghĩa của Duy thức chỉ có ngoài tâm, lại càng không có vật. Đã có cảnh của tha tâm khác với cảnh của tự tâm, tại sao gọi là Duy thức? Vì thừa nhận có các tha sắc.

**Luận:** “Kỳ lạ thay! Cố chấp!”, đến “chỉ nói một thức”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp, tức là hủy bỏ nhiều nghi ngờ, lẽ nào Duy thức giáo chỉ nói duy ngã! Thức của một người thì càng không có pháp nào khác.

**Luận:** “Nếu không như vậy thì thế nào?”

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi.

**Luận:** “Ông nên lắng nghe kỹ”, đến “có ý thú sâu xa”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ giải thích. Phần đầu lại còn hỏi vặn lại, nếu chỉ có ngã, thức của một người thì làm sao có sai biệt mười phương phàm Thánh, tôn ti, nhân quả. Chữ “đẳng” trong Luận có nghĩa là đồng lấy sắc và tâm, mỗi pháp riêng biệt nhau. Không có Phật cho nên người nào vì Ta để thuyết, không có chúng sinh cho nên vì ai để thuyết, không có Niết-bàn và quả Bồ-đề cho nên đâu có pháp gì, không có pháp cho nên Ta cầu cái gì. Do đó Duy thức nói có ý thâm sâu. Ý thú như thế nào?

**Luận:** “Thức nói tổng hiển”, đến “chỗ hiển Chân như”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thâm ý. Tất cả hữu tình mỗi mỗi đều có tám thức, sáu vị tâm sở Biến hành, mỗi mỗi đều là tự thể phần; cùng với Tướng phần và Kiến phần sở biến của tâm thức này, cùng với hai mươi bốn phần vị Bất tương ứng hành của sắc tâm, và hai Không lý sở hiển Chân như của nó. Lấy Không lý làm môn để hiển Chân như. Không tánh tức là hai lý Vô ngã, do hai lý này cho nên liền hiển được Chân như.

**Luận:** “Vì tự tướng của thức”, đến “tổng lập tên của thức”.

Thuật rằng: Nguyên nhân thừa nhận có tự thể của thức, là tự tướng của thức; thừa nhận tâm sở, là thức tương ứng pháp, thừa nhận Kiến phần và Tướng phần, tức là hai sở biến của tâm và tâm sở; thừa nhận Bất tương ứng, tức là ba loại phần vị trước; thừa nhận Chân như, là bốn loại thật tánh trước. Năm pháp như vậy không lia thức gọi chung là thức, không phải không có tâm sở. Đây tức là nói chỗ tiêu biểu chữ thức. Dưới đây là hiển chỗ ngăn trách của chữ “duy”.

**Luận:** “Chữ “duy” chỉ có ngăn trách”, đến “thật có sắc”.

Thuật rằng: Đây là hiển chỉ có ngăn trách. Tất cả ngu phu thông



với Nhị thừa, chấp định lia các thức thật có sắc, vì không thật cho nên Vọng điên đảo, ở đây lại còn nêu ra sắc nắm lấy tất cả, nhưng thật ra cũng chỉ ngăn trách chỗ nói như trên, lia thức năm pháp đều có, tức là đáp vấn nạn về lý đã nói xong. Từ đây xuống phần thứ hai mươi tổng kết khuyên nên tin.

**Luận:** “Nếu biết như vậy”, đến “tất cả Duy thức”.

Thuật rằng: Nếu biết còn và sót gọi là bị tư lương thì thiện tư lương tức là hai trang nghiêm phước và trí, không phải ác thủ Không của Thanh Biện. Năng thành là sự đắc Bồ-đề. Tụng này tổng thuyết minh tất cả Duy thức, nói rộng nương vào thức sở biến kia đã xong. Tiếp theo sau là vấn đáp lý do thức khởi, tức là phần thứ ba giải thích các vấn nạn của người ngoài, rộng giải thích tụng thứ nhất trước “do giả thuyết ngã pháp, hữu vô số tướng chuyển”. Trong đó có bài bảy tụng, hợp chung làm hai đoạn, đoạn đầu hai tụng giải thích lý trái nhau, đoạn sau năm tụng giải thích giáo trái nhau.

**Luận:** “Nếu chỉ có thức”, đến “vô số phân biệt”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn của người ngoài. Nếu không có duyên bên ngoài tâm thì do đâu mà sinh vô số phân biệt? Phân biệt tức là tám thức, không có thật pháp ngoài tám thức thì phân biệt này do đâu mà sinh? Ngoại cảnh đã trở nên không có, vấn nạn vọng đáng lẽ không khởi.

**Luận:** “Tụng nói rằng”, đến “các phân biệt kia sinh”.

Thuật rằng: Ba câu trên đưa ra vọng duyên, một câu dưới hiển phân biệt. Trong văn Trường hàng sau có hai đoạn:

1. Nương trong tụng giải thích duyên sinh Hữu lậu phân biệt.
2. Ví dụ sinh tịnh pháp.

Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Giải thích riêng bốn câu.
2. Tổng kết ý của bài tụng.

**Luận:** “Nói rằng”, đến “công năng sai biệt”.

Thuật rằng: Chủng tử thức này tức là năng sinh tất cả Hữu vi pháp chủng trong bản thức, mỗi mỗi đều có thể sinh sự sai biệt công năng trong tự quả gọi là tất cả chủng. Công năng có hai đoạn:

1. Hiện hành gọi là công năng, cũng như công năng trong hạt thóc có thể sinh mầm.

2. Chủng tử gọi là công năng, tức là tất cả chủng tử trong bản thức.

Trong đây tùy nói chủng tử công năng.

**Luận:** “Đây là sinh Đăng lưu”, đến “gọi là tất cả chủng”.

Thuật rằng: Sự sinh Đăng lưu này, có hai giải thích:

1. Chủng tử trước và sau tự loại tương sinh.
2. Chủng tử sinh hiện hành.

Tuy đồng thời cũng gọi là Đăng lưu, vì hiện hành là đồng loại của chủng tử. Trong nhân duyên chỉ trừ nhân duyên của năng huân hiện tại gần, đây là thuyết minh tất cả chủng, ngoài ra thể chủng tử của nhân duyên đều sinh Đăng lưu.

Hỏi: Cuối quyển 2 trước, chủng tử sinh hiện khởi như đồng thời có nhân đặc quả Sĩ dụng, tại sao trong đây chỉ quả Đăng lưu vậy?

Đáp: Như quyển 2 trước phần đầu thuyết minh Đăng lưu và Dị thực, tập khí của hai nhân nhiếp hết các chủng tử. Đăng lưu trong đó tức là Đăng lưu này, chủng tử sinh hiện hành không phải là quả Sĩ dụng, trong quyển đó chỉ nói như Tiểu thừa đồng thời có nhân đặc quả Sĩ dụng, không nói tức là đồng thời có nhân. Luận Hiển Dương quyển 18 phá đồng thời có nhân là nhân duyên, hiện tại Luận này chỉ nói chỉ là nhân duyên sinh khởi các nhân nhiếp đặc quả Đăng lưu, đây là căn cứ theo pháp thể, kia nêu ra ví dụ, cũng không trái nhau. Lại nữa, lẫn nhau làm quả gọi là câu hữu nhân, chủng tử và hiện hành thì không phải. Hoặc cùng với câu hữu pháp làm nhân cũng thông không có hại. Như Nhiếp Luận nói rằng tức là nghĩa nói hai nhân, hoặc riêng giải thích chỉ có chủng tử trước sau mong nhau là Đăng lưu, mong hiện hành là Sĩ dụng, hoặc nhiếp trong quả tăng thượng. Nói Dị thực tức là thiện chủng và ác chủng mong các hiện hành và chủng tử Dị thực sinh Vô ký pháp, trước sinh chủng tử của quả Đăng lưu chỉ có tự tánh của mỗi thứ, tức là thông với ba tánh, nhân duyên chủng tử của Lộ và Vô lộ, đây là quả nhân của Dị thực, chỉ là chủng tử tăng thượng của thiện và ác. Nhưng phỏng theo giải thích thứ nhất Đăng lưu, tức là hai thứ này nhiếp tất cả chủng tử. Sĩ dụng dưới đây tùy theo nghĩa ở trên mà lập riêng, lấy câu hữu làm quả. Hoặc phỏng theo giải thích sau Đăng lưu, nói rằng chủng tử tác ý mong pháp của tâm là Sĩ dụng nhân, tác động tâm sinh. Hoặc phỏng theo giải thích trước Đăng lưu, tức là Đăng lưu chủng đồng sinh hiện hành pháp, khiến cho sĩ phu đặc quả Sĩ dụng, chủng tử này xa mong sở tác của sĩ phu gọi là sinh quả Sĩ dụng. Tăng thượng quả cũng có hai, hoặc trước giải thích Đăng lưu, tức là trừ ngoài ba quả trước ra đều là quả tăng thượng, hoặc giải thích sau Đăng lưu, chủng sinh hiện hành cũng gọi là quả tăng thượng. Quả này có hơi rộng chút ít, không phiên dẫn ra. Lại còn nương vào một pháp mà nói, như chủng tử của danh

ngôn mong Thức thứ tám hiện hành và chủng tử của tự loại là đồng loại nhân, thiện nghiệp và ác nghiệp mong hiện hành và chủng tử này là Dị thực nhân. Tác ý chủng tử dấy khởi cảnh giác, mong chủng tử và hiện hành là Sĩ dụng nhân. Thức thứ bảy chủng tử làm đồng thời nương thế lực dẫn khởi, mong hiện hành và chủng tử này làm tăng thượng nhân. Thức thứ tám và chủng tử mong năng sinh này, tùy chỗ thích ứng của nó, tức là Đẳng lưu, Dị thực, Sĩ dụng và bốn quả tăng thượng. Còn lại tất cả pháp căn cứ theo đây mà nên biết. Nhưng hai quả trước trong đây gần cho nên nói trước, hai quả sau xa cho nên nói sau. Trong hai quả trước thì quả đầu là nhân duyên có gần chút ít cho nên nói trước, kế đó mới là nói Dị thực. Trong hai quả sau, quả Sĩ dụng thì hẹp cho nên nói trước, quả tăng thượng thì rộng cho nên nói sau. Vì năng sinh tất cả Hữu vi quả này, cho nên gọi là tất cả chủng.

**Luận:** “Trừ Ly hệ”, đến “đoạn kiết đặc”.

Thuật rằng: Vì là Vô vi không phải chủng tử sinh, Vô vi kia có thể chứng, không phải chủng tử quả, phải hiện khởi Vô lậu thắng đạo đoạn kiết mới đặc, không do chủng tử. Nếu như thế thì quả tăng thượng cũng vậy, có cách xa không phải chỗ đặc do lực của chủng tử, cũng đáng lẽ không thuyết minh.

**Luận:** “Có nghĩa triển chuyển”, đến “phân biệt chủng”.

Thuật rằng: Đây là pháp Vô vi cũng có nghĩa triển chuyển chứng đặc, không phải chỗ nói ở đây, ở đây nói là năng sinh phân biệt chủng. Nói phân biệt, là tâm và pháp tâm sở trong ba cõi Hữu vi lấy vọng phân biệt làm tự chứng. Ẩn giấu Vô lậu Hữu vi của nó không Luận, chỉ có nhiệm Y tha đối với pháp ngoài tâm. Văn dưới đây tự làm ví dụ tịnh pháp cũng như thế. Do đạo lý này, lại cũng không nắm lấy tất cả chủng tử của Vô lậu Hữu vi đối với bốn quả kia nhiếp không hết quả, gồm có nghĩa năng sinh quả kia, cho nên trong đây nói. Lại nữa, giải thích văn này để chiết phục vấn nạn, không phải trở thành Ly hệ, nói rằng có chỗ khó nói.

Hỏi: Tại sao tụng nói chủng sinh phân biệt mà không nói phân biệt có thể sinh chủng?

Đáp: Cũng có nghĩa triển chuyển tương sinh. Nhưng vì trước đã hỏi Duy, hỏi phân biệt từ đâu mà sinh, hiện hành sinh chủng của nó không phải chỗ nói ở đây. Tụng này chỉ nói năng sinh hiện hành phân biệt chủng, giải thích trước thuận với văn của Luận này.

Hỏi: Đã là chủng tử thì tại sao gọi là thức?

**Luận:** “Thức này làm thế”, đến “không có tánh riêng”.

Thuật rằng: Chủng tử lấy thức làm thể, cho nên lập tên của thức, vì chủng tử lia bản thức thì không có tánh riêng. Chủng tử nương tự thể phần của bản thức, cũng tức là tên chủng tử thức, cùng với thức chẳng phải một chẳng phải khác, hoặc làm Tướng phần cũng là thức sở biến. Thể tức là thức, không phải lia ngoài thức mà riêng có thể tánh, cho nên lập tên của thức.

**Luận:** “Hai chữ chủng thức”, đến “chủng không phải thức”.

Thuật rằng: Hai chữ “chủng và thức” riêng biệt không phải chủng tử thức, là có thức không phải có chủng, tức là sự hiện khởi các thức không phải chủng tử. Có chủng tử không phải thức, tức là giống lúa bên ngoài, vì không phải tự thể phần của thức. Lại nữa, có thức không phải chủng, là chỗ nói về các thức của Tiểu thừa. Chủng không phải thức là chỗ kế chấp tự tánh của Tăng-khư. Là nhân của các pháp, thể của nó không phải thức, vì có thức không phải chủng, chủng không phải thức. Không đồng chữ “chủng” ở đây, chủng ở đây cũng là chủng cũng là thức, cho nên lựa riêng chữ “chủng” kia lập hai chữ “chủng thức”.

**Luận:** “Lại nữa, hai chữ chủng thức”, đến “sau sẽ nói”.

Thuật rằng: Trong đây chỗ hiển chủng trong bản thức, không phải trì chủng gọi là thức chủng Thức thứ tám. Vì sau Thức thứ tám, lực triển chuyển hiện hành trợ duyên nhiếp, không phải nhân duyên. Hoặc câu thứ tư sau, coi như nhiếp trong phân biệt sinh của những thứ kia, trong đây không nói. Hoặc riêng nói về chủng thì lan qua nghĩa chủng tử lúa, tự tánh. Hoặc riêng nói về thức thì lan qua nghĩa tám thức hiện hành, cho nên nói cả hai, tức là giải thích bốn chữ sau của câu thứ nhất đã xong.

**Luận:** “Chủng trong thức này”, đến “lời nói trùng lại như vậy”.

Thuật rằng: Tức là giải thích câu tụng thứ hai. Nói rằng chữ “chủng” trong bản thức chỗ thuyết minh trước, do ba duyên còn lại trợ giúp thì liền chuyển biến như vậy như vậy. Nói rằng trước kia chưa thực gọi là sinh, như đang tại vị Khiên dẫn nhân, từ đây chuyển biến đến khi thực. Như đang ở trong sinh khởi nhân là nước ái thấm nhuần, có sự chuyển đổi biến thành tướng thực, gọi là chuyển biến, vì số của chủng tử rất nhiều, đều có chuyển biến sinh các phân biệt, cho nên lời nói trùng lại như vậy.

**Luận:** “Nói rằng tất cả chủng”, đến “thức chủng tận”.

Thuật rằng: Nói chủng nhiều là tất cả chủng trước, tức là nhiếp thức chủng tận của ba huân tập. Cộng và bất cộng có tướng thọ tận, như quyển 2 trước giải thích, ba huân tập thì như quyển 8 sau sẽ tự giải

thích.

**Luận:** “Lực triển chuyển”, đến “lực tương trợ”.

Thuật rằng: Hai câu trên thuyết minh chủng làm nhân sinh phân biệt, câu này thì thuyết minh hiện hành làm duyên sinh phân biệt, thông với ba duyên. Trong câu thứ ba, lại đặt hai chữ “vì thế” và “cho nên” để giải thích sức triển chuyển, nghĩa là tám hiện hành thức và tám thức tương ứng tâm sở, đây tức là Tự chứng phần của thức cùng với Tướng phần và Kiến phần sở biến này, gồm Bất tương ứng và pháp Vô vi, cho nên lại nói “vân vân”. Thức kia đều có sức tương trợ, là do Chân như, hoặc sinh tà kiến phân biệt, hoặc sinh tùy thuận ngôn Luận phân biệt.

**Luận:** “Tức là hiện hành”, đến “cho nên nói kia kia”.

Thuật rằng: Hiện quả sở sinh, câu thứ bốn lại trừ bỏ chữ “sinh” để giải thích bốn chữ còn lại, tức là hiện hành thức, Tướng phần và Kiến phần, Tương ứng và Bất tương ứng, đều gọi là phân biệt, lấy vọng phân biệt làm tự tánh, đều không lìa tánh, vì loại tự thể, tướng và kiến rất nhiều cho nên nói “kia kia”. “Kia kia” có nghĩa là rất nhiều.

**Luận:** “Ý của tụng này nói”, đến “mới khởi phân biệt”.

Thuật rằng: Dưới đây muốn giải thích chữ “do” trong câu thứ nhất, chữ “vì thế” và “cho nên” trong câu thứ ba, chữ “sinh” trong câu thứ tư để tổng kết bài tụng trên, nhân đó mà giải thích về nó để đáp câu hỏi của tụng trước, tuy không có duyên bên ngoài tâm, do có tất cả chủng trong thức là đoạn văn giải thích câu thứ nhất và giải thích chữ “do” trong đó. Chuyển biến sai biệt là đoạn văn câu thứ hai và lấy triển chuyển lực của hiện hành tám chủng thức; đoạn văn câu thứ ba gồm giải thích hai chữ “vì thế” và “cho nên” trong đó. Bỏ bỏ phân biệt mà cũng được sinh là đoạn văn câu thứ tư. Thế nào là mượn ngoại duyên phân biệt mới được khởi? Nhưng chánh giải thích này, chỗ thuyết minh nhiệm phần trong tụng đã nói xong.

**Luận:** “Các tịnh pháp khởi”, đến “làm duyên sinh”.

Thuật rằng: Pháp Vô lậu sinh cũng như phân biệt, cũng lấy Vô lậu chủng và hiện hành Tướng phần Kiến phần của Vô lậu thức làm duyên sinh. Giải thích ý của bản văn, nên kiêm luôn ở đây, cho nên nhiệm pháp và tịnh pháp đều không lìa tâm.

Lược giải văn tụng đã xong. Từ đây xuống rộng giải thích văn tụng, phần đầu là hỏi, phần sau là đáp. Dưới đây giải thích sau đã xong, sơ lược làm vài khoa, đồng với đây, hiện tại lại tùy theo văn mà phân ra phần đoạn, người học nên tìm nó.

**Luận:** “Chỗ nói chủng hiện”, đến “duyên này sinh tướng”.

Thuật rằng: Đây là người ngoài hỏi. Tụng trước hai câu trên nói chung tử, câu thứ ba nói hiện hành làm duyên, sinh nơi pháp phân biệt của tám thức tương ứng, câu thứ tư là hỏi tại sao phải biết duyên và sinh tương này. Đây là tổng hỏi tướng của duyên và duyên sinh. Trong đáp có hai, phần đầu nói rộng ba câu trên chung và hiện duyên pháp, phần sau nói rộng sinh phân tướng riêng, tức là câu thứ tư.

**Luận:** “Duyên lại có bốn”.

Thuật rằng: Phân rõ duyên pháp. Trong phần nói rộng ba câu trên, vẫn có hai đoạn:

1. Chánh giải bốn duyên.
2. Các Thừa khác thuyết minh mười lăm y xứ.

Trong duyên có chung và riêng, đây là chung. Vì đáp không hết, cho nên có câu “còn nữa”.

**Luận:** “Một nhân duyên”, đến “thân cận phân rõ tự quả”.

Thuật rằng: bốn duyên phân làm bốn đoạn văn. Nhân duyên tông nói rộng câu tất cả chung, các duyên tông còn lại thì nói rộng sức triển chuyển. Trong nhân duyên có ba phần:

1. Nêu thể.
2. Lựa riêng lược bỏ.
3. Giải thích phương hại.

Trong nêu thể có chung và riêng, đây là chung. Không phải tất cả pháp Hữu vi đều là như vậy, hiện tại nắm lấy pháp gần. Đây là nêu thể chung đã nói xong. Tiếp theo là nêu thể riêng.

**Luận:** “Thể này có hai, một là chủng tử, hai là hiện hành”.

Thuật rằng: Thể chung nhân duyên Hữu vi không vượt qua hai pháp này.

**Luận:** “Chủng tử là”, đến “công năng sai biệt”.

Thuật rằng: Nói rằng thiện, nhiễm và Vô ký để hiển thông ba tánh. Các giới các địa, tức là công năng sai biệt của mỗi mỗi giới và địa. Đẳng là đồng lấy các thứ chủng tử riêng khác của Hữu lậu, Vô lậu, sắc, phi sắc, báo, phi báo... có nói chủng tử của danh ngôn trong ba cõi không khác nhau là không đúng, vì trái với văn này và giới trói buộc riêng khác. Đây là nêu ra thể của nhân duyên. Mong cái gì làm nhân duyên?

**Luận:** “Có thể dẫn tiếp theo sau”, đến “là tánh của nhân duyên”.

Thuật rằng: Nói rằng có thể dẫn tiếp theo sau công năng của tự loại để hiển nghĩa tự chủng tướng sinh, lựa riêng với thiện chủng và

niêm chủng làm nhân duyên của Dị thực chủng, vì nó không phải là tự loại. Đây không phải là gián cách, gián cách tức là gián đoạn, không thứ tự thì không phải nhân duyên, như hiện hành nhân duyên quả Dị thực, hiện hành nghiệp và pháp mong chủng và quả không phải nhân duyên, khi khởi đồng thời thì tự loại hiện quả, cũng lựa riêng với nhân duyên và chủng của hiện thọ và hiện hành báo Dị thực, vì nó không phải là tự loại. Trong đây chỉ có tự loại làm nhân duyên, Dị tánh thì không phải, tức là chỗ mong hai chủng của chủng tử làm nhân duyên.

**Luận:** “Hiện hành là”, đến “là tánh của nhân duyên”.

Thuật rằng: Nói rằng bảy Chuyển thức và tâm sở của nó, mỗi mỗi đều là tự thể phần, cùng với tướng phần sở biến, Kiến phần, ba tánh, ba cõi, chín Địa, lậu, Vô lậu, báo và Phi báo... của mỗi tự thể phần này, mỗi mỗi đều hiện hành riêng chỉ có thể làm năng huân. Chữ “giả” có nghĩa là “tức là”. Nhưng trong bảy thức này trừ tất cả thiện pháp của Phật quả ra, còn lại trong nhân vị và chỗ có Vô lậu của Nhị thừa vô học đều là năng huân. Trong Vô học, trừ Vô ký quá yếu kém ra, đây tức là trừ Dị thực sinh trong bốn Vô ký. Trong Dị thực sinh có ba thứ còn lại không nhiếp Vô ký gọi là Dị thực sinh Vô ký. Như các loại pháp chấp thì Dị thực này đều có thể huân tập, chỉ trừ chỗ chiêu cảm của nghiệp trong sáu thức, mong các thứ Vô ký còn lại là quá yếu kém. Cũng trừ Thức thứ tám ra, chỉ có chỗ chiêu cảm của nghiệp đều không phải là năng huân. Hữu lậu và Vô lậu mỗi mỗi đều trừ đi một, ngoài ra tất cả Hữu lậu và Vô lậu hiện hành Tướng phần và Kiến phần huân tập vào bản thức sinh ra chủng của mỗi mỗi tự loại tánh, giới, địa, lậu, Vô lậu. Hiện hành này chỉ mong chủng kia làm nhân duyên, Phật quả thiện trong đây và cực liệt Vô ký không huân thành chủng, đều như bốn nghĩa của quyển 2 trong giải thích về năng huân và sở huân.

**Luận:** “Tâm thứ tám phẩm không có sở huân”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là sơ lược. Sơ lược có ba phần, đây là sơ lược thứ nhất.

Hỏi: Trong năng huân trước, tại sao không có Tâm phẩm thứ tám? Nói tâm phẩm tức là thông với Kiến phần hay Tướng phần chung có pháp?

Đáp: Tâm phẩm thứ tám thì vô sở huân tức là sở huân, còn lại bảy phẩm đều là năng huân.

Hỏi: Nếu như thế thì chỗ thích ứng của tám câu tâm là năng huân có sở huân của tâm vương?

**Luận:** “Không phải lựa bỏ sở y, chỉ một mình năng huân”.

Thuật rằng: Không phải lựa bỏ tâm của sở y, mà tâm sở riêng một mình năng huân.

Hỏi: Tâm vương lựa riêng với tâm sở, lại còn riêng làm sở huân. Tâm sở lựa riêng với tâm vương, riêng một mình làm năng huân có hại gì?

Đáp: Tâm vương có tự tại, tự tại riêng một mình làm sở huân. Tâm sở không tự tại, không phải riêng một mình là năng huân.

**Luận:** “Cực vi tròn, cho nên không huân thành chủng”.

Thuật rằng: Lại nữa, Thức thứ tám trong giải thích nhân, cùng với tâm của Dị thực trong sáu thức đều không huân tập, vì cực vi cho nên không thể huân tập. Vì Dị thực nghiệp sinh thế lực của pháp yếu kém, chỉ mặc tình tùy ý sinh. Nói năng huân thì chắc chắn không phải là pháp vô lực, vì cực vi trong nhân cho nên không phải năng huân. Mạt-na thứ bảy của người Vô tánh cũng có thế lực, như trước đã nói. Thức thứ tám trên Phật quả vì cực vi cho nên không huân thành chủng, vì Phật thân thiện pháp không có tăng giảm, thừa nhận nếu huân tập thêm nữa thì liền không phải viên mãn, vì dần dần tăng. Do đạo lý này, Thức thứ tám trong nhân và tâm phẩm kia đều không phải là năng huân, cho nên Luận trước nói chí nói có bảy phẩm.

**Luận:** “Hiện hành đồng loại”, đến “tự chủng sinh”.

Thuật rằng: Đây là sơ lược thứ hai.

Hỏi: Tại sao hiện hành đồng loại trước mong đồng loại sau, như Tiểu thừa đồng loại nhân, đây không phải là nhân duyên sao?

Đáp: Vì trong bản thức mỗi mỗi đều là tự chủng sinh, đã có nhân duyên thì có thể thân cận phân rõ thể của nó, hiện hành trước mong hiện hành sau không phải là nhân duyên. Tất cả các vật giống lúa bên ngoài cũng đều như thế.

Hỏi: Tại sao hoặc đồng thời hoặc khác thời, tất cả chủng tử mong hiện hành dị loại, chủng tử tự mong chủng tử dị loại, hiện hành mong hiện hành dị loại của nó, hiện hành mong chủng tử dị loại của nó, mà đều không phải nhân duyên?

**Luận:** “Tất cả dị loại”, đến “không thân cận sinh”.

Thuật rằng: Đây là phần sơ lược thứ ba. Như trong đây nói, lần lược mong nhau cũng không phải nhân duyên. Đã nói dị loại thì không thể thân cận sinh quả đồng thời, hoặc quả dị thời dị loại.

**Luận:** “Có nói dị loại”, đến “hoặc Tùy chuyển môn”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích phương hại có hai thứ nên biết. Như Luận Đối Pháp quyển 4 ghi: “Dị thể loại và đồng thể loại hiện



hành triển chuyển làm nhân duyên”. Trong nhân duyên của Luận Đối Pháp kia, nói sáu nhân là nhân duyên, tức là hiện mong hiện. Giả sử có chỗ khác nói, đều là giả thuyết làm nhân duyên, thật ra là tăng thượng duyên. Hoặc Tùy chuyển môn, là tùy thuận Tát-bà-đa nói năm nhân câu hữu làm nhân duyên. Luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Phá năm nhân kia không phải nhân duyên”. Có thể nên trình bày nó.

**Luận:** “Có chỗ chỉ nói chủng”, đến “làm nhân duyên”.

Thuật rằng: Lại nữa, Luận Du-già quyển 3, quyển 5, quyển 51, quyển 68 và Luận Hiển Dương quyển 18 đều chỉ nói chủng tử là nhân duyên, nương vào hiển thắng mà nói thì cũng chưa có câu tận lý. Thế nào là hiển thắng? Là thường tương tục, thắng hiện hành như hạt lúa sinh mầm, hiển lẫn nhau trong hiện hành. Hiện tại nói hiển thắng, vì Luận Du-già quyển 51 và Nhiếp Luận dẫn kinh A-tỳ-đạt-ma, nói Chuyển thức cùng với A-lại-da thức lẫn nhau làm nhân duyên, không phải tự chủng tử của nó. Có thể nói Chuyển thức cùng với bản thức lẫn nhau làm nhân duyên, cho nên biết hiện khởi Thức thứ sáu, Thức thứ bảy và chủng tử bản thức làm nhân duyên, tức là nghĩa hiện hành huân thành chủng. Được lấy sơ lược để hiển rộng, cho nên biết tất cả Hữu lậu và Vô lậu, chủng tử và hiện hành từ trước đến nay hai pháp làm thể nhân duyên.

Luận: “Hai Đẳng vô gián duyên”, đến “khiến cho định kia sinh”.

Thuật rằng: Trong đây có ba phần:

1. Nêu thể.
2. Sơ lược.
3. Giải thích tương.

Đây là phần đầu. Tám hiện thức và tâm sở là nêu ra duyên thể, chỉ có Kiến phần và Tự chứng phần là duyên thể này gọi chung là hiện thức. Lửa riêng sắc, Bất tương ứng, chủng tử, Vô vi không phải là duyên tánh này, vì nhiều đồng loại sắc, Bất tương ứng, chủng tử đồng thời chuyển. Quyển 38 ghi: “Đẳng vô gián duyên chỉ mong tất cả tâm tâm sở, vì sinh sở nhiếp thọ của tiền khai đạo”. Khai nghĩa là kiêng tránh, và nghĩa hậu xứ; đạo nghĩa là dắt dẫn, tức là pháp trước kiêng tránh chỗ đó để chiêu dẫn pháp sau khiến cho sinh thì có duyên pháp mới đủ hai duyên này. Đã biết Bồ-tát Địa có nói khai đạo để thuyết minh mạng căn và đồng phần, thể tuy riêng từng cái một nhưng không có đồng sinh, một là giả, hai là vô duyên dụng, hoặc là pháp của duyên lự khai đạo. Lại nữa, không phải giả mới có duyên này, nhưng không phải chỉ có nghĩa giả lửa riêng riêng với mạng căn, vì Bất phóng dật là giả mà cũng có duyên này. Mạng căn có nghĩa Vô gián, vì không có nghĩa duyên

và nghĩa khai đạo. Nhóm trước đối với nhóm sau, lựa riêng đồng thời và sau, làm nghĩa duyên trước, vì không phải khai đạo. Tự loại là hiển không phải thức của người khác làm duyên. Vô gián là hiển tuy Vô gián trước làm duyên Vô gián sau, không phải khoảng giữa có ngăn cách. Yếu Vô gián là tuy trải qua trăm năm mới đoạn thì cũng là duyên này. Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: “Nếu không như thế thì nhập vô tâm và định tâm, hoặc tâm mong xuất định thì đáng lẽ không phải duyên này, cho nên biết cứ mong tự loại thức là nghĩa của duyên. Nếu không như thế thì tâm xuất định thì có Thức thứ bảy và Thức thứ tám dẫn, lẽ nào không phải là duyên này? Đẳng khai đạo là hiển trước diệt một tâm, làm duyên của tâm tâm sở sau, tất cả tâm tâm sở trước làm duyên cho một tâm sau, có ý là bằng nhau mà khai đạo cho nên gọi là đẳng khai đạo. Đẳng này thuộc thông nhân quả trước sau, tức là lựa riêng nghĩa của Sa-môn tương tự pháp. Mỗi mỗi tâm sở đó tự mong làm duyên, không phải mong những tâm sở khác. Lại nữa, đẳng là hiển trong nhóm của tâm tâm sở này, một tâm và một tâm sở sau cũng như thế, cho nên một pháp không phải nhiều mà là đẳng, không phải sắc và Bất tương ứng trong một nhóm có nhiều loại khởi, vì nó không phải là đẳng. Và lại một thân tám thức tuy có nhiều loại, nhưng thể dụng mỗi mỗi đều khác tên, chỉ có đẳng. Sắc pháp của nó thể dụng không khác, nhiều loại cùng sinh cho nên không phải là đẳng, như ví dụ cỏ và lửa, cứ theo đây mà biết. Khai đạo là hiển nghĩa của duyên, khiến cho định của nó sinh, tức là hiển quả sau. Tuy trải qua lâu xa như trải qua tám vạn đại kiếp, nhãn thức trước mong nhãn thức sau cũng làm duyên, vì quả sau của nó coi như định sinh, tức là lựa riêng tối hậu tâm nhập Vô dư y. Không có quả định sinh cho nên không phải duyên này, tuy có nghĩa khai, nhưng không có dẫn lực của đạo. Sắc pháp không phải chỗ cực thành của thế gian, không tương ứng với giả, là tông của ta, Vô vi không có tướng trước và sau, tự thừa nhận chung. Hiện tại nên giải thích chủng tử không phải tướng của duyên này.

**Luận:** “Nhiều đồng loại chủng”, đến “không phải làm duyên lẫn nhau”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là sơ lược. Phần thứ hai trong văn có ba đoạn. Đây là lựa riêng chủng phi. Chủng tử của nhãn thức từ bờ mé vô thỉ đến nay, có trăm ngàn đồng loại đồng thời chuyển, như Bất tương ứng không phải duyên này nhiếp, chánh nêu ví dụ về loại đồng thời hiển không phải duyên, không có nghĩa của đẳng. Do chủng và Bất tương ứng đã có nhiều đồng thời chuyển không phải làm duyên lý,

tám thức mong nhau không phải lẫn nhau làm duyên, vì nhiều loại cùng sinh, tự nó thì chỉ có một. Hoặc thừa nhận tám thức đồng thời lẫn nhau làm duyên, vì nhiều loại cùng sinh được làm duyên. Loại của chúng tử đáng lẽ cũng như thế. Thể và dụng của tám hiện thức riêng biệt cho nên không phải là đồng loại, không giống như chúng, một loại mà có hàng trăm ngàn.

Hỏi: Tâm và tâm sở đã không phải tự loại, như tám chủng thức hằng đồng thời chuyển thể và dụng mỗi mỗi đều riêng khác. Như thế nào các pháp cùng khởi mong pháp sau cùng được nghĩa lẫn nhau làm duyên?

**Luận:** “Tâm sở và tâm”, đến “Đẳng vô gián duyên”.

Thuật rằng: Hiển tâm sở, là tâm sở và tâm tuy hằng đồng thời chuyển nhưng tương ứng, cho nên hòa hợp giống như một, đồng một sở duyên, đồng sở y, đồng một thời chuyển, đồng một tánh nhiếp, không thể lìa riêng khiến cho nó khác biệt, không đồng với hành tướng, sở duyên và sở y của tám thức, mỗi mỗi đều không đồng cho nên không phải lẫn nhau làm duyên. Trong đây lựa riêng như quyển 5 trước giải thích trong khai đạo y.

**Luận:** “Nhập Vô dư y”, đến “cho nên không phải duyên này”.

Thuật rằng: Lựa riêng với mặt tâm phi kia, nhập Vô dư rất yếu kém, không có khai đạo dụng. Khai đạo dụng tâm phải có thể lực không phải yếu kém, nhân thì thế yếu. Lại nữa, không nên khởi quả Vô gián, cho nên mặt tâm phi kia không phải duyên này nhiếp. Quyển 80 ghi: “Trước khi nhập Vô dư tâm, trước hết phải nhập diệt định để diệt sáu Chuyển thức, sau đó mới có thể diệt các thức còn lại, có do nguyện lực cho nên nhập Diệt định mà được mạng chung, vì Thức thứ sáu Vô lậu nhập định thì Thức thứ bảy và Thức thứ tám là xả thọ Vô ký tâm mạng chung. Quyển 3 trước lại có giải thích riêng.

**Luận:** “Làm sao biết như thế”.

Thuật rằng: Người ngoài hỏi gần là làm sao biết được mặt tâm phi duyên kia. Hỏi xa có ý là làm sao biết được tâm tự trước kia mong tâm tự sau làm duyên, không phải mỗi mỗi đều mong nhau.

**Luận:** “Luận có thành thuyết”, đến “Vô gián duyên”.

Thuật rằng: Đáp câu hỏi gần: Như Đại Luận quyển 3, quyển 93 và Luận Hiển Dương quyển 18 cùng với văn này đồng. Hoặc thức này đồng Vô gián gọi là làm duyên thì thức kia đồng quyết định sinh. Đây là nói có quả, đã Luận nói rằng quyết định sinh thì quả định phải có mới được làm duyên, cũng không quyết định Luận thời tiết lâu xa, nhập quả

Vô dư tâm không phải quyết định sinh cho nên không phải duyên này.

Đáp câu hỏi xa: Đã nói thức này đồng Vô gián, thuyết minh lấy thức làm duyên. Các thức đồng quyết định sinh, thuyết minh quả thông với tâm sở, vì sau chữ thức có chữ “đẳng”. Quả pháp đã thừa nhận thông với một tụ pháp thì duyên cũng nên như thế. Đây là giải thích phết và lập thể tánh.

Từ đây xuống phần thứ ba, tám thức và ba cõi, chín Địa, lậu, Vô lậu, ba tánh thiện ác Vô ký phân riêng để hiển tướng của duyên này.

**Luận:** “Tức là nương nghĩa này”, đến “lẫn nhau khai đạo”.

Thuật rằng: Trong đó có bốn phần, trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Hiển tướng.
2. Hỏi và đáp.

Chữ A-đà-na là hiển vị thông, không phải tạng thức thông. Vả lại vì Dị thực Vô ký tâm, vì tử sinh ba cõi dung chứa được làm duyên.

**Luận:** “Hữu lậu Vô gián”, đến “chắc chắn không có đoạn”.

Thuật rằng: Khi đến Phật quả mới đắc Vô lậu, không có Vô lậu sinh Hữu lậu.

**Luận:** “Thiện và Vô ký mong nhau cũng như thế”.

Thuật rằng: Hữu lậu và Vô lậu hai tánh loại cũng như thế, chỉ có Vô ký sinh thiện, không phải Thiện sinh Vô ký.

**Luận:** “Đây là sau cõi nào dẫn sinh Vô lậu”.

Thuật rằng: Người ngoài hỏi: Thức thứ tám này đã nói Hữu lậu sinh Vô lậu thì sau Hữu lậu của cõi nào sinh Vô lậu?

**Luận:** “Hoặc từ cõi Sắc, hoặc sau cõi Dục”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp. Sau hai cõi Hữu lậu sinh Vô lậu. Nêu chung hai người, không phải cõi Vô sắc không có sở y, vì không có lợi tha.

**Luận:** “Nói rằng các Dị sinh”, đến “đắc Bồ-đề”.

Thuật rằng: Tất cả Dị sinh, tức là những người đốn ngộ được thành Phật, quyết định sau cõi Sắc được hậu báo lợi ích, sinh lên Ma-hê-thủ-la trí xứ, vì trong cõi Sắc không có Nhị thừa hồi tâm, Luận Du-già quyển 80 ghi: “Chỗ lưu lại sinh thân của sinh tử biến dịch tức là ở châu này, vì cõi kia không có Phật có thể giáo hóa”. Phát tâm để thân lại chỉ có tại cõi Dục, chắc chắn sinh lên cung Tự tại, chỉ ở sau Dị sinh cõi Sắc. Các bậc Hữu học hồi tâm, chỉ đối với các Địa trong cõi Dục, tùy theo sinh tử diệt tận nhiều hay ít, tức là thọ biến dịch sinh, sau đó đến cung Tự tại thành Phật, vì không sinh đến cõi kia. Các Dị sinh đó không có thân cõi Dục thọ sinh tử biến dịch. Biến dịch sinh tử không phải chết rồi mới

sinh lại đại cung Tự tại, đến Địa thứ tám thì thân sắp sinh Đệ tứ thiên, đắc thân thù thắng rồi mới thọ thân biến dịch thù thắng. Đại cung Tự tại, là trên cõi trời Tịnh cư thật có tịnh độ, tức là tự thọ dụng thân mới khởi chứng đối với nó, là Địa thứ mười Bồ-tát cung. Cự dịch là Ma-hê-thủ-la, nay đáng lẽ nói là Mạc-hê-y-thấp-phiệt-la, tức là Đại tự tại, đây là nêu kinh Hoa Nghiêm, kinh Thập Địa quyển 12, Ma-hê-thủ-la trí xứ sinh. Trong Giải Thâm Mật, Luận Du-già quyển 78, 79, Luận Đối Pháp quyển 6, Luận Hiển Dương quyển 2, Luận Du-già quyển 4 cũng có văn đại cung Tự tại này. Đây là chỉ có tha thọ dụng độ. Báo thân của Thập địa Bồ-tát đến đó, nhưng do Dịch thực đồng một Địa, Luận nói là sinh, căn cứ thật thọ biến dịch, ở dưới ba Thiên xứ, nay đến đó cho nên gọi là sinh. Luận Du-già quyển 4 ghi: “Vượt qua trụ xứ của Tịnh cư đại tự tại, vì Địa thứ mười Bồ-tát cực huân tu, được sinh trong đó, đã thành Phật rồi thì thân đầy pháp giới”.

**Luận:** “Nhị thừa hồi thú”, đến “là cõi Dục”.

Thuật rằng: Tất cả Nhị thừa Hữu học, Vô học và cõi Dục pháp tâm, quyết định sau cõi Dục dẫn sinh Vô lậu, vì nguyện lực lưu giữ thân lại chỉ có cõi Dục, cõi trên không có sự hồi thú Thánh tâm này. Hiện tại Luận này nói chỉ có cõi Dục mới có Sơ Phát tâm, và lưu giữ thân lại chỉ có cõi Dục, đối với cõi kia không có duyên sơ phát tâm, cũng không có phát tâm cõi dưới. Chết rồi mới sinh cõi trên lưu giữ thân lại, cho nên cõi Dục phát dẫn sinh Vô lậu. Nhưng khi thành Phật thì chắc chắn phải đến cung Tự tại thành Phật, vì đến Thắng xứ cho nên biết thọ biến dịch rồi, sau đó qua cõi Sắc và các tịnh độ. Phải biết chỉ có thần sức thần thông của thân này mà được vãng sinh, không phải thọ sinh lại nữa. Quyển 80 không nói biến dịch có sinh lại nữa, có nói kinh Thắng Man tức là thừa nhận có nhiều biến dịch sinh, cùng với Luận này trái nhau. Đã từng xem xét văn kinh nhưng không thấy nói rõ. Đế quyển 8 sau, trong Nhị chủng sinh tử sẽ gặp, như Xu Yếu giải thích.

**Luận:** “Có nghĩa cõi Sắc”, đến “cũng được hiện tiền”.

Thuật rằng: Dịch sinh đồng với sự thứ nhất trước nói. Cõi sắc cũng có Thanh văn sơ phát tâm hướng đến Đại thừa, đã cùng với giáo và lý đều không tương vi, không có văn ngăn trách, vì thừa nhận Phật cũng đến giáo hóa Bồ-tát sinh đến đó, có thân sở y, cũng có Nhị thừa thánh, sau cõi Sắc hữu lậu thức thứ tám thì Vô lậu hiện tiền. Do có Thanh văn đối với nó phát tâm để thân lại, chỉ trừ hai quả ban đầu. Độc giác đối với nó phát tâm cõi trên thì không có. Nhưng tuy nói để thân lại nơi châu này, không nói chỉ có cõi Dục ngăn trách, các cõi còn lại thì không có, cho

nên không phải thành chứng. Lại nữa, chỉ nói châu này mà không nói châu khác, các châu còn lại lẽ nào không có! Cho nên không trái với lý, cũng sau cõi Sắc dẫn sinh Vô lậu. Trong đây không có thừa nhận là mặc tình tùy ý, nhưng không có cõi Sắc thì không có hồi tâm hướng đến Đại thừa. Vì Luận này nói chỉ có sau cõi Dục và cõi Sắc hữu lậu bản thức thì mới sinh Vô lậu không có sinh Phật và Bồ-tát thẳng nhân. Lại nữa, thân ở cõi Vô sắc có thể được để lại, tất cả sắc thân cõi dưới, vì đắc Phi trạch diệt, không phải chỗ sinh sắc có thể thành thân lưu để lại. Trong kinh Trung Ấm ghi: “Phật ở trong Trung ấm hai mươi năm, cũng hóa ra chúng sinh cõi Vô sắc”. Kinh của Đại chúng bộ, không phải nghĩa của Đại thừa, Lăng-già, Bát-nhã đều nói Bồ-tát không sinh Vô sắc. Luận Du-già cũng đồng. Chỉ có cõi Sắc hữu thừa nhận điều đó không có lỗi.

**Luận:** “Nhưng Ngũ tịnh cư”, đến “phát đại tâm”.

Thuật rằng: Đây là lựa riêng cõi Sắc địa có hồi tâm và không hồi tâm. Do kinh không nói Ngũ tịnh cư kia phát đại tâm, vì các Địa dưới phát lý không trái. Phỏng theo xứ để nói, chỉ có Ngũ tịnh cư là hoàn toàn không có phát tâm. Đây là kinh Đại Bát-nhã nói. Hội thứ hai như cựu Đại phẩm quyển 15, Đại Bát-nhã hội thứ nhất quyển 126 ghi: “Lại này Kiều-thi-ca! Nếu người thiện nam hoặc người thiện nữ biên chép Bát-nhã-ba-la-mật-đa rất sâu như vậy, các thứ trang nghiêm đặt nơi thanh tịnh, khi cúng dường cung kính tôn trọng tán thán thì bốn đại Thiên vương có trong thế giới ba ngàn đại thiên này, cho đến Tha hóa tự tại thiên đã phát tâm A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, hằng đến xứ đó chiêm lễ đọc tụng, cho đến nói rộng, chấp tay mà đi. Chỗ có Phạm chúng thiên cho đến cõi trời Quảng quả đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, hằng đến xứ đó, cho đến nói rộng, chấp tay mà đi. Chỗ có trời Tịnh cư, gọi là Vô phiền thiên, cho đến sắc Cứu cánh thiên cũng hằng đến đó quán lễ đọc tụng Bát-nhã như vậy, cho đến nói rộng, chấp tay mà đi. Lúc bấy giờ, mười phương vô biên thế giới, chỗ có Tứ thiên vương thiên cho đến Tha hóa tự tại thiên, cho đến như thế chỗ Phạm chúng thiên, cho đến cõi trời Quảng quả đã phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cũng hằng đến đây, cho đến nói rộng, chấp tay mà đi. Lúc đó mười phương chỗ Tịnh cư thiên, gọi là Vô phiền thiên, cho đến sắc Cứu cánh thiên cũng hằng đến đây, cho đến nói rộng, chấp tay mà đi”. Các xứ còn lại đều nói phát tâm Bồ-đề, nhưng không nói phát tâm đối với Tịnh cư xứ, cho nên biết cõi Sắc cũng có bậc Thánh phát hướng Đại tâm, chỉ trừ Tịnh cư, vì kinh không nói có phát đại tâm. Hoặc sư trước giải thích văn này, đây là nói rằng cõi trời Quảng quả trở xuống các thiên nói có phát tâm.

Căn cứ theo Di sinh mà nói thì không phải là Hữu học. Nếu không như thế thì Tịnh cư có nhân gì riêng khác một mình không có hồi tâm? Sư thứ hai nói:

1. Lấy kinh làm chứng.

2. Cũng do lý, hoặc sinh Tịnh cư thì không sinh cõi trên, cũng không hồi tâm nắm lấy Niết-bàn gần, đam mê tâm tịch tịnh kiên cố, giáo hóa sẽ khó đắc, cho nên không có hồi tâm.

Hai lý đã bằng nhau, văn đó có tổng hợp chung, các bậc có trí thì xả tùy theo tình.

Hỏi: Đây là nghĩa của sư thứ hai, hoặc cứ theo Phật Địa và Luận này, đã thừa nhận hai quả ban đầu của Nhị thừa thọ biến dịch sinh, tuy mới phát tâm, phải trải qua nhiều đời mới thọ biến dịch, cũng đáng lẽ thừa nhận cõi Dục có phát tâm, đến sinh thân cõi trên mới thọ biến dịch phải không?

Đáp có hai đoạn:

1. Không có. Sinh qua cõi Sắc, khởi phải trải qua sinh cõi Dục. Bậc thánh bất hoàn đắc tức nguyện thông biết nghiệp dục đã hết, hoặc chưa đắc Căn bản định, chưa đắc thân thông cho nên không cùng biết. Nhưng khi chán thân thô thì niệm liền dẫn sinh tử biến dịch, cho nên không có cõi trên mới thọ biến dịch. Cõi Dục phát tâm, tức là đối với cõi Dục thọ biến dịch, không đồng với hai quả ban đầu dục nghiệp của nó chưa hết, tuy có biết nghiệp nhiều hay ít, nhưng cũng có cái không biết. Chỗ dẫn của nghiệp lực, hoặc có tức là khi phát tâm thọ sinh tử này, hoặc có người chưa thọ sinh, đến đời thứ bảy thì Bất hoàn phát tâm chắc chắn liền thọ sinh, vì nghiệp lực hết, chán sâu các ác sự, không chịu ở cõi trên thêm một đời nữa, hướng chỉ có nhiều đời.

2. Đã không có văn ngăn trách. Như bảy đời phát tâm lưu thân lại chưa hẳn đồng thời, Bất hoàn cũng như thế. Cõi Dục phát tâm cõi trên lưu thân lại, vì thân của cõi Dục, nghiệp lực đã tận. Chưa đắc biên tế định có thể nhờ vào nghiệp, dục được nương vào thắng thân mới chuyển dịch. Do lý như vậy, hoặc có Địa trên chỉ đối với một xứ thọ một đời, tức là vừa mới thọ biến dịch. Hoặc có hai xứ, ba xứ, hoặc một Địa, hai Địa, ba Địa cho đến bốn Địa, đến cõi trời Quảng quả thọ biến dịch thân, đến cung Tự tại mà thọ Phật vị. Hoặc có cho đến chỉ đối với tứ thiên thọ một đời rồi thọ biến dịch, có quyết định nghiệp cho nên đối với lý không trái. Nhân nơi Luận mà sinh ra Luận, trên Tịnh cư đó có thật báo độ. Địa thứ mười cư làm xứ của ba cõi là không đúng hay sao? Luận Phật Địa ghi: “Cõi tịnh độ chỗ ở của tha thọ dụng thân này, là chỗ

thuyết pháp của các hàng Bồ-tát Thập địa, tức là Sắc cứu cánh thiên nhiên. Vì cực thắng xứ Tịnh cư không biết cũng không đến đó. Do đó kinh ghi: “Có diệu tịnh độ ra khỏi ba cõi, Bồ-tát Thập địa đang sinh trong đó”.

**Luận:** “Chuyển thức thứ bảy”, đến “sinh xứ trói buộc”.

Thuật rằng: Đây là Mạt-na tùy Thức thứ tám trói buộc, như trước đã nói, cho nên đồng với giới và địa của Thức thứ tám làm duyên lẫn nhau, ba cõi hữu phú được dẫn sinh.

**Luận:** “Hữu lậu và Vô lậu”, đến “được dẫn sinh”.

Thuật rằng: Sau khi trí của Sơ địa phát khởi thì xuất quán. Hữu lậu và Vô lậu cho nên tương sinh lẫn nhau. Tùy thức nhiễm và thức bất nhiễm nào trói buộc mà dẫn sinh thức Vô lậu của Địa nào đấy khởi?

**Luận:** “Thiện và Vô ký mong nhau cũng như thế”.

Thuật rằng: Tức là Hữu lậu và Vô lậu này tương sinh để phân rõ tánh riêng biệt, thế vị tức là nó.

**Luận:** “Trong Vô ký”, đến “được dẫn sinh”.

Thuật rằng: Sự này nói có nhân chấp và pháp chấp, cho nên tạo thuyết này. Nhiễm là nhân chấp, không nhiễm là pháp chấp. Sinh không trí và sinh không quả, trí là vô phân biệt trí, quả là Hậu đắc trí và chỗ dẫn diệt định của trí quả này đều chỉ có bất nhiễm nhiếp trong câu này, cùng với tâm Phi vô lậu khi nhiễm đều là tương sinh lẫn nhau.

**Luận:** “Cõi Dục và cõi Sắc này”, đến “không sinh cõi kia”.

Thuật rằng: Trong hai cõi dưới, Thức thứ bảy Hữu lậu tùy theo nhiễm và bất nhiễm mà được sinh Vô lậu không phải cõi Vô sắc, vì Bồ-tát địa thượng không sinh qua đó, cùng với Thức thứ tám đồng Địa trói buộc. Luận Đối Pháp quyển 13 nói cũng đồng với đây. Bồ-tát diệt lìa cõi Vô sắc sinh, đây là nói nhiễm thức làm duyên và quả, nhưng trong hai cõi chỗ dẫn Vô lậu bình đẳng tánh trí, tùy chỗ thích ứng của nó cũng thông với Vô sắc, như tại trong nhân mà nhập diệt định vị. Có thể dẫn Ý thức là Hữu đẳng địa, chỗ Thức thứ bảy nương là trí của Địa kia, cho nên thông với cõi Vô sắc, chưa đắc tự tại, phải do ý dẫn mới được sinh. Thức thứ sáu nhập Phi tướng mới khởi Vô lậu, không thể nói Thức thứ bảy là Địa dưới.

**Luận:** “Chuyển thức thứ sáu”, đến “lại dẫn sinh nữa”.

Thuật rằng: Trong ba cõi, chín Địa, Hữu lậu mong Vô lậu, thiện mong bất thiện, mỗi mỗi đều lẫn nhau làm duyên, như nhuận sinh vị. Ba cõi, chín Địa được dẫn sinh lẫn nhau. Ở đây nói ba, mỗi mỗi đều dung chứa. Cuối quyển 69 có nói các tâm tương sinh, cùng với Luận Hiển



Dương quyển 18, Luận Đối Pháp quyển 5, Đại Luận quyển 13 đều có Như Lai. Địa thứ tám trở đi, Bồ-tát được khởi tất cả xứ tâm khai đạo lẫn nhau, xét các Luận kia nên biết.

**Luận:** “Ban đầu khởi Vô lậu”, đến “chỉ có cõi Sắc”.

Thuật rằng: Nhưng thừa nhận ban đầu khởi chân Vô lậu không phải hai cõi còn lại. Vì có thể dẫn phát Ý thức thứ sáu Quyết trạch phần thiện chỉ có cõi Sắc. Luận Hiển Dương quyển 16, quyển 7, phẩm Hiện Quán đều là ở đây nói.

**Luận:** “Nhân nhĩ thân thức”, đến “nên biết cũng vậy”.

Thuật rằng: Ba thức đầu trong năm thức, cõi trên cõi dưới nói tự loại lẫn nhau làm duyên; hai thức sau chỉ nói tự loại làm duyên, không thể nói lẫn nhau, vì chỉ có một cõi. Đây là chỉ có Hữu lậu, đây là nói thiện cũng tùy chỗ thích ứng giới địa của cõi trên và cõi dưới.

**Luận:** “Có nghĩa năm thức”, đến “dung chứa đầy khởi”.

Thuật rằng: Đây là kế chấp của sư thứ nhất. Nhập địa đắc Thành sở tác trí, cho nên được tương sinh.

**Luận:** “Có nghĩa Vô lậu”, đến “thuộc về Tướng phần”.

Thuật rằng: Đây là sư thứ hai. Chỉ có đắc Phật Địa, không có sau Vô lậu khởi Hữu lậu. Vô lậu năm thức mỗi mỗi không phải Phật, vì đều là không có. Tại sao không có? Vì không phải Phật, vì năm căn trong thân quyết định là Hữu lậu. Ý gì mà năm căn kia không thừa nhận là Vô lậu? Vì là Tướng phần của Dị thực thức nhiếp, sở duyên của Thức thứ tám chắc chắn đồng với lậu và Vô lậu.

Hỏi: Hữu lậu căn sinh Vô lậu thức, có nghĩa gì trái nghịch?

**Luận:** “Hữu lậu bất cộng”, đến “Bất tương ứng”.

Thuật rằng: Nói Hữu lậu là lựa riêng với Vô lậu căn. Vô lậu căn phát Vô lậu thức thì không trái. Bất cộng là lựa riêng với Thức thứ tám, nếu là cộng do đó có thể làm chỗ y của Vô lậu thức. Chắc chắn đồng thời là hiển không phải Đẳng vô gián duyên. Căn của Đẳng vô gián duyên sinh trước và sau, được nương vào Hữu lậu. Đồng cảnh là lựa riêng với sở y của Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, nó tuy có nghĩa trước là không phải đồng cảnh. Hữu lậu căn này phát Vô lậu thức là không tương ứng. Người ngoài lại nói, như Thức thứ sáu nương Thức thứ bảy cũng nương Hữu lậu thì có gì là không tương ứng? Hiện tại Luận này lại lấy lượng làm thành.

**Luận:** “Hai thức này đối với cảnh sáng và tối khác nhau”.

Thuật rằng: Đồng cảnh sáng tổ thức, không nương với căn riêng âm muội. Trong đây ví dụ như nhãn căn... cực thành tại các vị khác. Nên

lập lượng rằng: “Cố căn của năm thức, không phát Vô lậu thức, vì sắc căn Hữu lậu, như các nhân vị khác”. Hoặc cứ theo sư trước, trong Thập đắc năm thức Vô lậu. Địa thứ tám trở đi đắc sinh tử biến dịch, đối với lý không trái nhau. Tùy chỗ thích ứng của nó, sau cõi nào mà dẫn sinh năm thức Vô lậu? Sơ khởi tuy tại cõi Dục, sau đó khởi cũng thông với cõi Sắc.

Hoặc sư thứ hai nói, trong Thập địa không có năm thức Vô lậu, Dị sinh thành Phật chắc chắn là Thức thứ tám của cõi Sắc dẫn sinh Vô lậu. Địa thứ tám trở đi, Bồ-tát không có tử thức và thiết thức, vì căn sở y là cõi Sắc trói buộc, không phải thức của cõi dưới nương căn của cõi trên. Tuy biết ba thức dưới được nương căn của Địa trên, nhưng không có thức của cõi dưới nương sắc căn của cõi trên, cho nên tử thức và thiết thức trong Địa thứ tám trở lên là không có. Do đó nên nói, các căn hỗ dụng của Bồ-tát Địa thứ tám, trong ba thức nghe mùi hương, hoặc xứ căn và thân căn nghe mùi hương đối với lý không trái nhau. Lại nữa, giải thích hai thức nương căn của cõi trên cũng không ngại. Như ba thức của Địa dưới trói buộc tuy có riêng khác, nhưng vẫn riêng Địa nương hai thức cũng như thế. Các Luận chỉ nương tất cả Dị sinh. Nhị thừa và Địa thứ bảy trở về trước thì Bồ-tát phần nhiều lầm Luận, không nói hai thức cõi dưới nương căn của cõi trên, đâu có hại gì có định. Tuy có giải thích này do nghĩa như vậy sư trước giải thích là ngăn ngại. Nhưng sinh Vô lậu tùy theo sau thân cõi nào thì liền cõi đó dẫn sinh. Hoặc phỏng theo hai cõi của sư sau thì đều được sơ khởi. Nhị thừa hữu học sau cõi Dục, Dị sinh thành Phật chỉ ở sau cõi Sắc. Thiện và tánh Vô ký phần nhiều chỉ có thiện tánh, có thông với Vô ký. Đây là hợp chung tám thức lại nhập vào mười hai tâm làm Vô gián duyên. Ba tánh tâm trong ba cõi của Ý thức thứ sáu tương sinh Vô gián như Biệt xứ nói.

**Luận:** “Ba Sở duyên duyên”, đến “chỗ tư lự, chỗ nương giá”.

Thuật rằng: Trong đây có ba phần:

1. Giải thích nêu nghĩa của thể.
2. Phân rõ sai biệt.
3. Tám thức phân biệt.

Đây là đưa ra thể tướng của Sở duyên duyên. Nói hoặc hữu pháp, là không phải Biến kế sở chấp, trong đây có hai sư giải thích. Sư thứ nhất hoặc thông với duyên là giả, sư thứ hai hoặc chỉ có duyên là thật. Sư trước tức là nhãn thức duyên với “dài”, sư sau thì không duyên, cho nên ở đây chỉ tổng nói là hữu pháp, không riêng quyết định thể pháp của nó giả hay thật, đây là thuyết minh không phải chỗ chấp. Chỗ chấp

không có thể, không thể phát sinh thức năng duyên, cho nên không phải là duyên. Duyên thì chắc chắn là Y tha và Vô vi, có thể có lực dụng phát thức năng duyên gọi là duyên, tức là lựa riêng với nhãn thức của Kinh bộ. Duyên hòa hợp với sắc thể là giả pháp, thức cũng tương tự kia có nghĩa sở duyên nhưng không phải là duyên, vì không có tự thể. Hiện tại ở đây thì phải là có thể mới duyên, là đối kỷ tướng. Đối có hai nghĩa, hoặc các sự xưa của phương Tây giải thích; kỷ là thể của cảnh; đối có nghĩa là tâm tương tự cảnh tướng kia, tức là tâm năng duyên có tương tự tướng sở duyên gọi là đối. Tướng là tướng trạng, Tiểu thừa là hành tướng thuộc thể năng duyên. Đại thừa là chỗ nhiếp của Tướng phần. Vì trong quyển 2 trước giải thích rằng năng duyên tâm liên đối với tướng cảnh thể của sắc, vì lý này cho nên sư Chánh lượng bộ là Bát-nhã-câu-đa tạo Báng Đại Thừa Luận. Phá Luận này rằng: “Vô phân biệt trí không tương tự Chân như tướng mà khởi, đáng lẽ không phải Sở duyên duyên”. Đại sư của ta dạy rằng, Đại vương vì khi thiết lập mười tám ngày vô giá hội, tạo Chế Ác Kiến Luận mà phá họ rằng: Người không hiểu nghĩa của ta. Đối là nghĩa liên đối, tướng là thể tướng, không phải nghĩa tướng trạng, là khi chánh trí sinh thì liên đối với thể tướng của Chân như mà khởi, cùng với Chân như, chẳng phải một, chẳng phải khác; phi tướng, phi phi tướng. Hoặc liên đối với bản thân của Sở duyên duyên kia để làm cảnh tướng, vì là sở duyên. Hoặc tướng gọi là thể, tức là có thể tướng của tâm tâm sở đồng thời, cũng là tâm liên đối mà nói. Tuy có chỗ gá, nhưng không phải chỗ tư lự cho nên không phải Sở duyên duyên. Tướng là nghĩa Tướng phần, hoặc nghĩa thể tướng, Chân như cũng gọi là tướng của tướng Vô tướng. Nguyên nhân kinh nói đều đồng một tướng tức là chỗ nói Vô tướng. Câu trước là duyên, câu này là sở duyên. Duyên sinh đối với người nào liên đối với kỷ tướng, gọi là tâm, hoặc pháp tương ứng này là Sở duyên duyên quả, không cùng với sắc và Bất tương ứng làm sở duyên. Quyển 38 ghi: “Chỉ có mong tâm và tâm sở làm sở duyên”. Nếu như thế thì giải thích của các sư xưa và Đại sư đều có ngăn ngại, nghĩa là có thể làm duyên sinh pháp năng chiếu. Thể năng chiếu pháp hoặc có liên đối với kỷ tướng, nói tướng này gọi là Sở duyên duyên của họ, tức là chỗ chiếu soi ngoại chất của gương nước, cũng có thể làm duyên sinh hình ảnh trong gương. Hình ảnh trong gương tức là liên đối với kỷ tướng, ngoại chất của gương đáng lẽ là Sở duyên duyên của gương để giải thích cho nghi này. Tiếp theo nói chỗ tư lự và chỗ nương gá. Chỗ tư lự tức là Sở duyên duyên trước, chỗ nương gá tức là nghĩa của duyên trước. Giả sử đây là chỗ tư lự của nó, không

phải chỗ nương gá thì không gọi là duyên, như hòa hợp là giả. Giả sử làm chỗ nương gá của nó thì nó được sinh thì cũng cần phải có tự thể tự lực đối với nương gá này mới là sở duyên. Nghĩa là gương thì không phải năng lực, vật chất thì không phải sở lực của gương, cho nên không phải Sở duyên duyên của gương, không đồng với tâm. Tuy không có phân biệt nhưng cũng có thể lực, lực có nghĩa là duyên lực. Luận Phật Địa ghi: “Nếu không có Kiến phần thì đáng lẽ không có năng duyên”. Trong đây có ý nói, hoặc là pháp Hữu thể thì đó là tâm của đời kỹ tướng, và chỗ lực, chỗ gá của pháp tâm sở là Sở duyên duyên. Tất cả Hữu vi và Vô vi đều là duyên này nhiếp. Sư An Tuệ đã không có Kiến phần thì tại sao giải thích là sở duyên?

**Luận:** “Thể này có hai”, đến “Sở duyên duyên xa”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là phân rõ sự sai biệt của nó, hoặc cùng với thể của Kiến phần không tương ứng, lựa riêng với thức sở biến của người khác và tự tám thức của mình mỗi mỗi đều riêng sở duyên, chỉ là chỗ lực gá trong Kiến phần. Đây có hai thứ, một là Hữu vi tức là thức sở biến gọi là chỗ tự lực bên trong. Hai là Vô vi, thể của Chân như không lia thức gọi là chỗ tự lực nương gá, tức là như tự chứng duyên Kiến phần. Không tuy là chỗ nhiếp của Vô vi, nhưng hoặc là giả biến, thuộc về Hữu vi. Hoặc nương vào Bản thể tức là Chân như cho nên không có nghĩa riêng. Hữu vi này tức là Tướng phần trong bốn phần nhiếp. Đây là nói Sở duyên duyên từ gần đến xa, và là tâm năng duyên lia pháp, là nói thức sở biến của người khác, và riêng thức sở biến trong tự thân nương dựa làm vật chất. Nhưng tuy nhãn và nhĩ không phải Sở duyên duyên gần của nhãn thức, cũng không phải Sở duyên duyên xa, vì không thân cận nắm lấy, không nương dựa làm vật chất, phải làm bản chất có thể khởi Tướng phần chỗ lực gá bên trong, gọi là Sở duyên duyên xa. Nói làm vật chất khởi cho nên gọi là duyên, Kiến phần cũng biến trong Tướng phần tương tự bản chất pháp cho nên gọi là sở duyên gần. Sở duyên gần tức là nói Kiến phần là đời kỹ tướng, đây là trong xa, tức là ảnh tượng Tướng phần là tướng của đời bản chất gọi là sở duyên, cho nên gọi là có thể khởi trong chỗ tự lực nương gá, không nói khởi trong tâm, vì khởi là nghĩa của duyên. Khởi Tướng phần là Sở duyên duyên.

**Luận:** “Sở duyên duyên gần”, đến “cũng được sinh”.

Thuật rằng: Sở duyên duyên gần trước chỉ là tâm năng duyên đều có, lia Tướng phần chỗ tự lực nương gá bên trong thì tất cả tâm chắc chắn không hiện hành. Hiện tại trong Đại thừa, hoặc duyên Vô pháp thì không sinh tâm. Sở duyên duyên gần là pháp năng duyên, hoặc có

hoặc không có, vì là tâm ngoài pháp. Như chấp thật ngã, tuy không có bản chất, nhưng lia pháp kia thì tâm cũng không sinh. Ngoài ra như Xu Yếu giải thích.

Từ đây xuống phần thứ ba phỏng theo thức phân biệt xa, gần, có, không.

**Luận:** “Thức thứ tám phẩm”, đến “mặc tình tùy ý chuyển”.

Thuật rằng: Sư thứ nhất nói chỉ có gần không có xa. Tại sao vậy? Vì thức này do nghiệp và tự lực của nhân, mặc tình tùy ý biến cảnh, không có Sở duyên duyên xa. Sở duyên duyên xa phải cưỡng ép, tâm tư lự mới có thể có, tâm Dị thực thì không, nhưng cũng có thể biến tha y xứ tương tự gọi là biến, không nhờ dựa vào tha mà sinh mặc tình tùy ý biến.

**Luận:** “Có nghĩa cũng quyết định có”, đến “tự nó mới biến”.

Thuật rằng: Sư thứ hai cũng quyết định có Sở duyên duyên xa, cũng có sở duyên gần. Điều này Thức thứ tám phải nương cậy vào tha biến làm bản chất mới có thể tự biến, tức là chủng tử cũng dựa vào tha biến, mong tự thân làm bản chất, mong tha thì làm ảnh tượng, tức là biến tha căn của sư thứ hai.

**Luận:** “Có nghĩa hai thuyết”, đến “làm tự bản chất”.

Thuật rằng: Đây là sư thứ ba nói. Hai sư trước đều sai. Đây là vấn nạn sư thứ nhất trước. Lại như tự thân tha thân, tự độ tha độ có thể lẫn nhau thọ dụng, cho nên phải nương nhờ tha biến. Quyển 2 trước ghi: “Nếu không biến tha thì đáng lẽ không có các sự thi hài sau khi chết thọ dụng lẫn nhau”, tức là lấy sở biến của tha mà làm vật chất trong Thức thứ tám của mình. Do lý trước, lấy văn trong Luận Trung Biên làm quyết định.

**Luận:** “Tự chủng đối với tha”, đến “chủng đều là đẳng”.

Thuật rằng: Vấn nạn sư thứ hai rằng: Tự chủng tử đối với tha thân không có lý thọ dụng. Tha biến làm chủng này, không xứng với đạo lý, không phải các chủng của hữu tình đều là đẳng. Nói rằng hoặc nhiều hoặc ít, là có ba Thừa và năm tánh sai biệt, hoặc người này nhiều, người kia ít. Thế nào là nhờ cậy lẫn nhau? Hoặc biến nhiều, ít không biến. Hoặc họ chống chế rằng đẳng là duyên lẫn nhau, bất đẳng là không duyên. Tại sao không thừa nhận Thức thứ tám có thể thọ dụng là duyên, không thọ dụng là không duyên? Trong đây lại lấy chủng tử đặt làm vấn nạn, năm căn cũng không có nghĩa thọ dụng. Như thế nào là biến?

**Luận:** “Nên nói phẩm này”, đến “hữu và vô bất định”.

Thuật rằng: Ở đây nói phẩm là thông với tâm và tâm sở, phẩm thứ

tám của nó thì ở đây là Sở duyên duyên xa, hoặc nhân vị hoặc quả vị, hoặc có hoặc không đều bất định. Trong nhân biến tha y xứ có thể thọ dụng, không biến tha căn và chủng tử, và sau khi chết thì không có. Có cõi Sắc biến dựa vào tha, cõi Vô sắc thì không có, tức là bất định trong nhân. Tại quả vị Phật, năng duyên Vô vi và các pháp trong ba đời do đó mà có bất định hoặc không. Năm Biến hành tâm sở trong nhân chỉ gá vào sở duyên của tâm vương làm bản chất, tâm vương chỉ có thể biến thật pháp. Năm Biến hành tâm sở của Phật quả tuy duyên quá khứ và vị lai, cũng nương gá tâm Vương làm bản chất, tự nó không có lực cho nên cùng với nhân tương tự. Trong đây nói phẩm, vẫn tuy tổng nói, nhưng nói tâm sở thì không đúng.

**Luận:** “Tâm phẩm thứ bảy”, đến “không có ngoại chất”.

Thuật rằng: Hữu lậu trong nhân của thức này, là câu sinh khởi mặc tình tùy ý không có lực, phải dựa vào Thức thứ tám để làm ngoại chất thì tự nó mới biến được. Đã không phải là nghiệp quả thì thể lực cần phải nhờ vào chất mà khởi, Vô lậu vị cũng không nhất định có. Duyên Chân như, hư không, quá khứ, vị lai không có ngoại chất; duyên đời hiện tại và Hữu vi pháp thì có ngoại chất.

**Luận:** “Tâm phẩm thứ sáu”, đến “Hữu và vô bất định”.

Thuật rằng: Nhân vị và quả vị của thức này, có thể tự tại chuyển, hoặc phân biệt khởi, hoặc là câu sinh, cho nên bản chất mà tất cả chủng nhờ cậy là không nhất định có hay không.

**Luận:** “Năm tâm phẩm trước”, đến “không có ngoại chất”.

Thuật rằng: Nhãn... năm thức, ở chỗ đầu tiên trong tám thức. Trong nhân thì một là thô, hai là độn, ba là yếu kém, cần phải nhờ dựa Thức thứ tám hoặc ngoại chất sở biến của Thức thứ sáu mới khởi được, ngoài ra như Xu Yếu giải thích. Đắc Chuyển y vị là tùy tại xứ nào? Viển sở duyên này thì không nhất định có, hoặc nói cũng duyên Chân như, có nói bất đắc chỉ duyên quá khứ vị lai. Nhưng hiện tại Đại thừa đến Phật vị đã tất cả đều là sở duyên, chỉ trừ Kiến phần là không phải tướng sở duyên. Các căn của năm thức trong nhân hỗ dụng lẫn nhau, chỉ trừ tự thể tương ứng cũng là Sở duyên duyên.

**Luận:** “Bốn tầng thượng duyên”, đến “hoặc thuận hoặc nghịch”.

Thuật rằng: Trong đây có ba đoạn:

1. Nêu thể.
2. Hiển dụng và quả.
3. Phân rõ thù thắng hiển sai biệt.

Đây là phần đầu. Nếu có pháp cũng là có thể, đây là lựa riêng với

sở chấp. Có thắng thế dụng là làm nghĩa của duyên, tức là Hữu vi và Vô vi có thắng thế dụng. Dụng này không phải cùng với dụng của quả, nhưng không chướng ngại lực, có thể đối với các pháp khác lựa riêng với tự thể của nó, hiển không đồng với Sở duyên duyên trước, hoặc thuận hoặc nghịch. Hiển cùng với nghịch và thuận có thể làm duyên, và sau đó sinh pháp khác làm duyên, không phải pháp trước diệt. Lại nói chín nhân trước trong mười nhân là thuận, nhân thứ mười là nghịch, cũng là duyên này.

**Luận:** “Tuy ba duyên trước”, đến “tướng sai khác”.

Thuật rằng: Duyên này rất rộng, ba duyên trước cũng vậy. Nhưng hiện tại duyên này, trừ ra ba duyên trước của nó nắm lấy pháp khác của ba ngoại duyên làm thể của duyên, tuy không có một pháp nào không phải là Sở duyên duyên, ngoài Sở duyên duyên lại không có tăng thượng duyên, nhưng khi nó chánh duyên thì là Sở duyên duyên, ngoài ra bất duyên là duyên này, vì biệt thể của duyên này hiển rõ bốn duyên.

**Luận:** “Dụng thuận nghịch này”, đến “bốn sự riêng khác”.

Thuật rằng: Đây là hiển dụng và quả. Dụng thuận và nghịch của nó đối với xứ nào khởi? Tức là quả pháp này đối với bốn xứ chuyển. Nói rằng một pháp sinh, sinh rồi trụ và thành, tức là trong chỗ đắc tất cả Hữu vi pháp thông với Hữu vi và Vô vi. Sinh, như Đại Luận quyển 5, Luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Tự chủng làm thành trước hết các pháp sắc và Vô sắc khác làm kiến lập, làm bạn trợ và sở duyên trở thành hòa hợp pháp trong ba cõi sinh”. Trụ là như Luận Đối Pháp quyển 5 nói rằng phong luân đối với thủy luân. Thành, Đại Luận quyển 5 nói là thành lập và thành biện, tức là nhiếp hai thứ kia. Thành là thắng giải ái nhạo của sở tri làm đầu. Tông, nhân và dụ làm kiến lập. Đại Luận và Định Luận làm hòa hợp, nghĩa sở lập thành tự, đã lấy tông làm năng lập thì lấy nghĩa làm sở lập. Hoặc Trần Na về sau lấy nhân và dụ làm kiến lập, tông làm sở thành lập. Thành biện là công xảo trí làm đầu, sự cần cù làm kiến lập. Xứ và cụ làm hòa hợp thì công xảo nghiệp thành biện. Đắc, Luận kia nói ba Thừa chủng tánh làm đầu, nội phần lực làm kiến lập, ngoại phần lực làm hòa hợp, chứng đắc Niết-bàn, nội phần như lý tác ý, ngoại phần thì Phật hưng thịnh thế gian. Họ lại phỏng theo theo Vô vi mà nói, thật pháp thông với Hữu vi, hai mươi bảy Hiền đều gọi là đắc. Luận nói đắc pháp thông ba tánh, hoặc ba pháp trước là Hữu vi, pháp thứ tư chỉ là Vô vi. Luận kia ghi: “Lại nữa, pháp nào có tác dụng?” Hiện tại ý trong đây tức là bốn pháp này không có pháp

khác, tác dụng trên bốn thể. Hoặc chỉ có pháp thứ ba, pháp thứ tư thì Vô vi không có tác dụng. Lại nữa, Luận kia không có trụ cho nên lược bỏ không nói. Đây là Nhiếp pháp chu toàn. Luận kia chỉ có sơ lược ảnh tượng, hiện tại chỗ nói của Luận này là thuận với quả sở sinh của duyên này, hoặc quả trái nghịch tất cả đều thông, khiến cho bất sinh, bất trụ, bất thành và bất đắc.

**Luận:** “Nhưng tăng thượng duyên”, đến “hai mươi hai căn”.

Thuật rằng: Dưới đây phân rõ thẳng để hiển sai biệt, trong đó có ba đoạn:

1. Nêu chung.
2. Nêu thể.
3. Lấy ví dụ để chỉ.

Đây là phần đầu. Như Đại Luận quyển 57, quyển 90 trở đi, Luận Đối Pháp quyển 5 trong phần Phế lập, kê ghi:

*Lấy cảnh nối gia tộc  
Mạng sống thọ nghiệp quả  
Thế gian xuất thế tịnh.  
Nương lạng này lập căn.*

Còn lại đều như Xu Yếu giải thích.

Luận: “Năm sắc căn trước”, đến “ít phần làm tánh”.

Thuật rằng: Đây là nêu ra bảy thể sắc, văn có thể biết.

Luận: “Mạng căn chỉ nương”, đến “mà làm tự tánh”.

Thuật rằng: Mạng căn như quyển 1 trước nói. Hai chữ “năm thọ” là tùy ứng, tức là thọ trong Biến hành, mỗi mỗi đều riêng khác với năm thọ chi phối, hoặc thông với tám thức, hoặc không đúng như thế cho nên nói là tùy ứng. Tín tức là lấy tín... và thiện niệm làm thể. Tín... lấy toàn đủ hai pháp tinh tấn và thủ, nói tức là lấy tín v.v..., thiện niệm là đồng lấy định và tuệ, đây là pháp trong biệt cảnh thông ba tánh, đây là lấy một phần, nói cùng với thiện niệm v.v...

**Luận:** “Vị tri đương tri”, đến “có thể sẽ biết”.

Thuật rằng: Thể là thể tánh, vị là năm vị. Thể tánh ở vào vị cho nên gọi là thể vị. Căn bản vị, quyển 57 ghi: “Có mấy pháp không trôi buộc? Ba sau, chín ít phần”. Ba tức là ba Vô lậu căn, vì không nắm lấy vị trước. Trong kiến đạo như Luận Đối Pháp quyển 9 có mười sáu tâm, đây là trừ ra tâm cuối cùng.

Hỏi: Tại sao Kiến đạo thông với mười sáu tâm?

Đáp: Căn này chỉ có khi tại mười lăm tâm. Kiến đạo căn cứ theo kiến quán đế hạnh, tức là mười sáu tâm đều như vậy. Căn này có chỗ



chưa biết (vị tri), rồi sẽ biết (đương tri căn), chỉ có mười lăm tâm trước, vì tâm thứ mười sáu không có chỗ chưa biết có thể sẽ biết. Trong đây loại và nhấn đều duyên với tâm trước. Tâm thứ mười lăm của nó duyên với tâm trước biến thành đã nói xong. Tâm thứ mười sáu quán khắp loại và nhấn, không đồng với Tiểu thừa chứng Vô vi, chỉ có lấy mười lăm tâm làm căn này.

Hỏi: Đây là tướng Kiến đạo ở sau Chân kiến đạo. Trong Chân kiến đạo đã có Vô gián và Giải thoát đạo, trong Giải thoát đạo đã đắc Sơ quả. Tại sao tướng và kiến đến mười lăm tâm cũng còn căn này nhiếp, lẽ nào quả Dự lưu cũng là căn này hay sao?

Đáp: Điều này không đúng. Quả Dự lưu của nó đến tướng kiến đạo, tâm thứ mười sáu, thấy tướng đế tròn vương mới lập, chưa phải Chân giải thoát, có thể gọi là Sơ quả, cho nên mười lăm tâm cũng còn căn này nhiếp. Nhưng không phải Sơ quả được có sơ căn. Nghĩa căn cứ theo Bồ-tát sau Chân kiến cũng không xuất quán, tức là nhập tướng và kiến, đến tâm thứ hai cũng còn căn này nhiếp, đến tâm thứ ba thì tướng và kiến đã tròn, kiến cực đầy, mới không phải căn này và căn thứ hai nhiếp.

**Luận:** “Hai gia hạnh vị”, đến “Căn bản vị”.

Thuật rằng: Nghĩa này cũng phân rõ Quyết trạch phần thiện, vì cận năng dẫn phát Căn bản vị. Hai cận gia hạnh và tư lương trong đây, không những chỉ nắm lấy nó mà cũng nhiếp luôn căn bản, hiện tại ở đây hiển kiêm nắm lấy gia hạnh, chỉ nêu ra gia hạnh, như quyển 57 ghi: “Một cõi Sắc trói buộc và không trói buộc, tất cả trói buộc và bất trói buộc làm nghĩa”. Nghĩa tức là cảnh, căn này chỉ nắm lấy Quyết Trạch phần đến nay, Quyết Trạch phần thiện chỉ có cõi Sắc trói buộc. Luận Đối Pháp quyển 10 cũng như thế.

**Luận:** “Ba tư lương vị”, đến “Căn bản vị”.

Thuật rằng: Đây là bậc Đại thừa nhập kiếp trở đi, Tiểu thừa cũng như thế. Đối với Đế hiện quán phát khởi quyết định thắng thiện pháp dục. Trong sáu hiện quán là tín hiện quán, không phải Vô lậu tín, nhưng bậc Đại thừa nhập kiếp trở đi đối với Đế sinh quyết định, không đồng ngoại đạo đối với Đế sinh nghi, cho đến chưa khởi Quyết trạch phần thiện trở về trước. Tại Thuận giải thoát phần vị, vì có thể giúp ích xa sinh kiến đạo Căn bản vị. Quyển 57 ghi: “Hỏi: Vị tri căn là nghĩa gì? Đáp: Bậc tu Đế hiện quán, từ thiện pháp dục trở đi, trong tất cả phương tiện đạo, tức là nghĩa của tín... nắm căn là nghĩa này, cho nên căn này cũng thông với Giải thoát phần vị, đây là không mong Niết-bàn mà đặt

tên”, đến sau sẽ biết.

**Luận:** “Ở ba vị này”, đến “do đó nhiều chỗ không nói”.

Thuật rằng: Đối với ba vị trước, chín căn làm tánh, nhưng gia hạnh vị và tư lương vị, ở sau Niết-bàn thắng pháp, cầu chứng những sầu lo chưa biết. Muốn chứng cũng có ưu căn, tức là lấy mười căn làm tánh. Bồ-tát An Tuệ kết hợp với Luận Đối Pháp, trong căn bản vị chắc chắn là ưu không khởi. Trong Luận Du-già do đó có nhiều chỗ không nói. Nhưng giải thoát vị và gia hạnh phần vị không phải không có ưu căn này, nhưng pháp tư trợ không phải pháp chánh căn, nếu nhập Vô lậu thì lậu kia diệt, nhưng Vô lậu căn này thông với Địa ba cõi. Quyển 57 ghi: “Bảy căn nhập Vô sắc, ba căn sau có một căn có thể nhập, có một không thể nhập”. Quyển đó đoạn văn trước lại nói: “Mười một căn của Không xứ có thể đắc, Tưởng địa chỉ có tám, tức là ba Vô lậu Phi tưởng đều không có. Ba căn Vô sắc trước có căn ban đầu này, hai căn còn lại có thể biết”. Đây là vấn nạn về tướng, cho nên nói riêng.

**Luận:** “Ba Vô sắc trước”, đến “các pháp tu khác đắc”.

Thuật rằng: Nói có Bồ-tát kiến đạo, trước kia đã từng là Dị sinh vị tu tập, đắc định kia rồi sau đó nhập kiến đạo. Các pháp tu khác lấy chỗ khởi chủng tử thế tục trí trước của nó, chủng tử được tên của căn, nói đó là hữu, sau cũng được khởi, đã không phải kiến đạo khởi cũng không có lỗi. Luận Đối Pháp quyển 13 giải thích Chân hiện quán rằng: “Lại nữa, trong kiến đạo đắc hiện quán biên an lập đế thế tục trí, do sức tăng thượng duyên của xuất thế trí trường dưỡng chủng tử kia cho nên gọi là đắc trí này mà không hiện tiền”. Lấy mười sáu tâm trong sát-na không có gián đoạn của kiến đạo, không dung chứa hiện khởi thế gian tâm, đối với tu đạo vị thì thế tục trí này mới hiện tiền. Căn này không phải gia hạnh và Vô lậu căn hiện tiền nơi kia mà có, vì Địa kiến phần không có bốn thiện căn.

Lại nữa, giải thích người Nhị thừa cũng có trước kia tu tập, sau nhập Kiến đạo gọi là Thắng kiến đạo cũng là các pháp tu khác kia. Nhưng tu đạo này cũng được hiện khởi, không giống như ba loại trí biên chỗ tu các trí rốt ráo không khởi của Tiểu thừa, vì công đức pháp cho nên phải tu, điều này không nên như thế, vì để trợ lực khiến cho nó thù thắng, Địa kia có chủng Pháp nhĩ này. Trong đây nói tu là chỉ đắc tu tu, không phải hạnh tu tu, chắc chắn không khởi. Chỉ có tướng Kiến đạo tu, vì sai biệt để quán thuận với thế tục trí, không phải Chân kiến đạo thì không thuận nhau. Lại nữa, giải thích chân Kiến đạo cũng tu, vì thời gian cấp bách không có sai biệt cho nên không nói. Trong đây nói cõi

dưới cũng được tu cõi trên, trước hết lia dục của cõi Sắc và đắc của Bồ-tát, nghĩa là có thắng Kiến đạo, không phải tất cả kiến đạo đều như thế. Hoặc dựa theo Luận Đối Pháp quyển 10 thì cõi trên chỉ có tu, cõi dưới dựa theo quyết định mà nói, dần dần lia dục mà nói, không phải đạo lý chân thật. Lại nữa, giải thích Bồ-tát ba Vô sắc địa, cũng có Vô lậu kiến đạo, nhưng chúng tử tu tập tăng thượng rất ráo không khởi, như ba Tĩnh lự kiến đạo của cõi dưới cũng rất ráo không khởi. Nghĩa này nên suy nghĩ, tu dùng để làm gì? Làm sao biết Địa kia có kiến đạo? Tại sao kiến đạo chỉ có nương vào Định địa, mà không phải Tuệ địa? Hoặc nói đã thừa nhận thiện pháp dục trở đi thì gọi là căn này, tức là giải thoát phần của Bồ-tát cũng sinh ở Địa đó, cho nên nói như vậy. Kiếp số cận của người Nhị thừa không thể nói có giải thoát phần đó.

**Luận:** “Hoặc Nhị thừa vị”, đến “thuộc về căn này”.

Thuật rằng: Nghĩa thứ hai nói, đây hoặc là quả thứ ba của Nhị thừa trở đi hồi thú Đại thừa, vì chứng pháp không của Sơ địa. Địa tiền cũng khởi Sinh không Vô lậu trí trong chỗ nhiếp của chín Địa. Chín Địa là sáu Địa trong cõi Sắc và ba trong cõi Vô sắc, Địa kia trước Sinh không trí là do Bồ-tát quán mà khởi, thuận với Bồ-tát quán cho nên đều là căn này nhiếp. Nói Địa kia có căn này không phải trái với lý. Nhưng người Nhị thừa vì chưa chứng Pháp không quán để khởi Vô lậu, cho nên trong đây không nói.

**Luận:** “Bồ-tát kiến đạo”, đến “vì thời gian cấp bách”.

Thuật rằng: Trước nói ba vị đều là căn của Nhị thừa. Như quyển 57 phần cuối ghi: “Ba căn của Bồ-tát ở nơi Thắng giải hạnh địa mà lập căn thứ nhất, Thập địa lập căn thứ hai và Phật địa lập căn thứ ba”. Để giải thích nghi ngờ này rằng, kiến đạo của Bồ-tát cũng có căn này, nhưng chỉ nói Thắng giải hạnh, vì trong kiến đạo thời gian cấp bách không nói. Nói rằng Sơ địa có ba Địa là nhập địa, trụ địa và xuất địa. Ở đây chỉ có nhập địa là ít thời gian, cho nên thời gian ngắn gấp. Tuy Nhị thừa cũng như thế, vì trước kiến đạo cấp bách hơn Bồ-tát, cho nên nói kiến đạo của Nhị thừa cũng có, Bồ-tát thì không như thế, không thể làm ví dụ.

**Luận:** “Bắt đầu từ kiến đạo”, đến “cho nên phần nhiều không nói”.

Thuật rằng: Đây là căn thứ hai đồng với vị ba Thừa. Chín căn và mười căn đều giải thích như trước, bây giờ thì nương vào đó mà giải thích hai căn đầu cũng thông với Hữu lậu. Điều này cũng đồng với Luận Đối Pháp quyển 10.

**Luận:** “Các Vô học vị”, đến “tánh của Cụ tri căn”.

Thuật rằng: Chín căn Vô lậu trong Vô học đó đều nhiếp trong căn thứ ba. Tại sao Hữu đẳng giống như tâm trước khi nhập Diệt định cũng có Vô lậu? Không phải thuộc về ba căn này.

**Luận:** “Hữu đẳng tuy có”, đến “không phải ba căn sau”.

Thuật rằng: Tuy có du quán nhưng không minh lợi, vì tưởng vi tế cho nên không phải ba căn sau. Nhưng nói nó là Dĩ tri và Cụ tri thì cũng không có hại gì! Không thuận với ba căn vì không minh lợi, cho nên không nói nó, không phải nó không nhiếp. Nếu không nhiếp thì ba căn thuộc về Vô lậu Vô lậu căn không hết.

**Luận:** “Hai mươi hai căn”, đến “như Luận nên biết”. Thuật rằng: Các môn này, nghĩa như quyển 57 giải thích.

